

Số: ~~263~~ 663/TB-ĐHDL

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II năm học 2023-2024 (Lần 3)

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-ĐHDL ngày 25/12/2019 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ở trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 208/ QĐ-ĐHDL ngày 8/3/2022 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-ĐHDL ngày 01/04/2022 về việc ban hành Quy định xét và cấp học bổng tại Trường Đại học Điện lực; được thay thế “Phần I. Học bổng khuyến khích học tập” kèm theo Quyết định số 1653/QĐ-ĐHDL ngày 10/10/2023 của Trường Đại học Điện lực (Sau đây gọi tắt là QĐ số 367/QĐ-ĐHDL và QĐ số 1653/QĐ-ĐHDL);

Căn cứ Quyết định số 1092/QĐ-ĐHDL ngày 24/07/2023 của Trường Đại học Điện lực về việc quy định mức thu học phí và các khoản thu khác đối với người học năm học 2023-2024;

Căn cứ kế hoạch và tiến độ đào tạo;

Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện học kỳ II năm học 2023-2024;

Trường Đại học Điện lực thông báo:

1. Số lượng và điều kiện được cấp học bổng học kỳ II năm học 2023-2024 (xem phụ lục I kèm theo thông báo).

2. Danh sách sinh viên dự kiến được cấp học bổng học kỳ II năm học 2023-2024 (xem phụ lục II kèm theo thông báo).

3. Căn cứ để xác định số lượng, điều kiện và danh sách sinh viên dự kiến được nhận học bổng học kỳ II năm học 2023-2024 là Điều 3,4,5 của Quy định xét và cấp học bổng tại Trường Đại học Điện lực ban hành theo QĐ số 367/QĐ-ĐHDL và QĐ số 1653/QĐ-ĐHDL. Trong đó lưu ý một số điểm như sau:

3.1. Sinh viên phải đạt điểm D trở lên của các học phần đã đăng ký học trong học kỳ xét học bổng, bao gồm khối lượng học tập theo chương trình đào tạo chuẩn và khối lượng đăng ký học vượt, học lại, học cải thiện (nếu có) và không ít hơn 15 tín chỉ nếu số tín chỉ theo chương trình đào tạo chuẩn của học kỳ xét học bổng nhiều hơn 15 tín chỉ. Kết quả học tập dùng để xét học bổng khuyến khích học tập không cộng điểm, gộp điểm các học phần của học kỳ phụ.

3.2. Điểm trung bình chung (TBC) học kỳ để xét học bổng KKHT theo Quy chế đào tạo trình độ đại học tại trường Đại học Điện lực của Nhà trường và thỏa mãn điều kiện:

- Điểm TBC học tập của học kỳ xét học bổng KKHT đạt từ 2.50 (thang điểm 4) trở lên không bao gồm điểm học phần cấp chứng chỉ.

- Kết quả của học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh nếu có trong học kỳ xét học bổng thì phải xếp loại đạt.

3.3. Kết quả rèn luyện (KQRL) của học kỳ xét học bổng KKHT đạt từ loại khá trở lên; không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét học bổng.

3.4. Không nợ học phí tính tại thời điểm xét.

3.5. Trường hợp các sinh viên có điểm TBC học tập của học kỳ xét học bổng KKHT bằng nhau, thì ưu tiên từ cao xuống thấp theo thứ tự như sau:

3.5.1. Điểm KQRL của học kỳ xét;

3.5.2. Đối với học kỳ 1 của năm thứ nhất căn cứ tổng điểm trúng tuyển của sinh viên (không tính điểm ưu tiên);

3.5.3. Điểm TBC tích lũy tính đến thời điểm xét;

3.5.4. Điểm trung bình KQRL tích lũy đến thời điểm xét;

3.5.5. Đối tượng chính sách theo quy định nhà nước;

3.5.6. Thành tích về nghiên cứu khoa học, thi Olympic;

3.5.7. Thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên.

3.6. Nguyên tắc xét học bổng khuyến khích học tập.

3.6.1. Căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên thực hiện xét, cấp học bổng theo thứ tự từ loại xuất sắc trở xuống đến hết số suất học bổng đã được xác định. Trường hợp nguồn học bổng của ngành trong khóa không đủ để cho một suất học bổng thì sử dụng nguồn học bổng của khóa đó để chi bù đủ một suất học bổng.

3.6.2. Trường hợp ngành đào tạo của một khóa học đã có sinh viên được xét học bổng và nguồn học bổng còn dư không đủ chi cho một suất học bổng hoặc không còn sinh viên đủ điều kiện được xét học bổng, thì nguồn học bổng đó sẽ được phân bổ cho sinh viên đủ điều kiện xét học bổng của ngành đó (không bao gồm các sinh viên đã được xét tại 6.1)

3.6.3. Trường hợp sau khi phân bổ cho sinh viên theo nguyên tắc tại 6.1 và 6.2 vẫn còn dư nguồn học bổng, thì nguồn học bổng đó sẽ được phân bổ cho sinh viên thuộc diện xét học bổng toàn trường (không bao gồm các sinh viên đã được xét tại 6.1 và 6.2), phân loại học bổng và mức học bổng khuyến khích học tập của học kỳ xét học bổng KKHT theo Điều 4 của QĐ số 1653/QĐ-ĐHĐL, nguyên tắc xét từ cao xuống thấp, trường hợp dư tiền thì tính tròn là một suất học bổng.

3.6.4. Các trường hợp phát sinh khác, Hiệu trưởng xem xét quyết định trên cơ sở ý kiến và phương án đề xuất của Hội đồng xét, cấp học bổng KKHT của Nhà trường.

3.7. Phân loại học bổng và mức học bổng khuyến khích học tập

TT	Xếp loại HB được nhận	Điểm TBC học tập		Điểm kết quả rèn luyện		Mức tiền nhận học bổng
		Thang điểm 4	Xếp loại	Mức điểm	Xếp loại	
1	Xuất sắc	3,60 – 4,00	Xuất sắc	90 - 100	Xuất sắc	Học phí học kỳ x120%
2	Giỏi	3,60 – 4,00	Xuất sắc	80 - 89	Tốt	Học phí học kỳ x110%
		3,20 – 3,59	Giỏi	80 - 100	Tốt	
3	Khá	3,60 – 4,00	Xuất sắc	65 - 79	Khá	Học phí học kỳ
		3,20 – 3,59	Giỏi	65 - 79	Khá	
		2.50 - 3.19	Khá	65 - 100	Khá	

Học phí học kỳ được tính như sau:

$$\text{Học phí học kỳ} = \sum_{i=1}^n TCHP_i * MHP_i$$

Trong đó :

- + n là số học phần đăng ký trong học kỳ đó của sinh viên (không tính các học phần học lại, học cải thiện và các môn học cấp chứng chỉ).
- + $TCHP_i$: số tín chỉ học phí của học phần thứ i trong học kỳ đó.
- + MHP_i : đơn giá học phí một tín chỉ của học phần thứ i trong học kỳ xét học bổng KKHT.

Sinh viên có thắc mắc liên hệ với thầy Nguyễn Xuân Hòa - Phòng Công tác sinh viên (nhà E102) điện thoại: 02422185719 trong giờ hành chính và viết đơn (theo mẫu đính kèm phụ lục số III) đến hết ngày 24/12/2024. Nhà trường sẽ không giải quyết các trường hợp gửi đơn sau ngày 24/12/2024.

Nhận được thông báo này kính đề nghị các Khoa, CVHT, sinh viên và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện theo đúng thời gian quy định. / *u*

Nơi nhận:

- HT (để báo cáo);
- Trường các khoa (để triển khai);
- CVHT, CBL các lớp (để triển khai);
- Sinh viên, công TTSV;
- Phòng KHTC;
- Lưu VT, CTSV, HoaNX(02). *te*

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



* Nguyễn Lê Cường

PHỤ LỤC I
TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐƯỢC NHẬN
HỌC BỔNG KỲ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo thông báo số : 2663 /TB-ĐHDL ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

TT	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
			Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.34 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBTL ≥ 2.9	9		0
2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 87	3	Điểm TBC ≥ 3.03 Điểm RL ≥ 91	5
3	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D15	Điểm TBC ≥ 3.84 Điểm RL ≥ 92	1	Điểm TBC ≥ 3.35 Điểm RL ≥ 92	3		0
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D15	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.28 Điểm RL ≥ 81	4	Điểm TBC ≥ 3.25 Điểm RL ≥ 71	3
5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D15	Điểm TBC ≥ 3.60 Điểm RL ≥ 91	14	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 93	24		0
6	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.24 Điểm RL ≥ 80	25		0
7	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.57 Điểm RL ≥ 81	2		0
8	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.44 Điểm RL ≥ 81	3		0
9	Công nghệ thông tin	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 81	32		0
10	Kế toán	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 90	7	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.28 Điểm TBCRL ≥ 86	10		0
11	Kiểm toán	D15	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 95	5	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.46	3		0
12	Kỹ thuật nhiệt	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.33 Điểm RL ≥ 81	15		0
13	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.24 Điểm RL ≥ 80	8		0
14	Quản lý công nghiệp	D15		0	Điểm TBC ≥ 3.29 Điểm RL ≥ 81	5		0
15	Quản lý năng lượng	D15	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 81	1		0
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 90	7	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.49	3		0

TT	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
			Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
17	Quản trị kinh doanh	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 92	7	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 2.96	12		0
18	Tài chính – Ngân hàng	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 90	12	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.48	3		0
19	Thương mại điện tử	D15	Điểm TBC = 4.0 Điểm RL ≥ 90	7	Điểm TBC = 4 Điểm RL ≥ 87 Điểm TBCTL ≥ 3.3	2		0
20	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D16	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 92	1	Điểm TBC ≥ 3.35 Điểm RL ≥ 81	18		0
21	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D16	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 92	1	Điểm TBC ≥ 3.33 Điểm RL ≥ 87	11	Điểm TBC ≥ 3.58 Điểm RL ≥ 76	1
22	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.20 Điểm RL ≥ 81	1	Điểm TBC ≥ 2.73 Điểm RL ≥ 80	5
23	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.20 Điểm RL ≥ 81	7	Điểm TBC ≥ 2.82 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.01	10
24	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D16	Điểm TBC ≥ 3.76 Điểm RL ≥ 90	2	Điểm TBC ≥ 3.39 Điểm RL ≥ 81	31	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 71	3
25	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 81	10	Điểm TBC ≥ 2.75 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 2.45	32
26	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	1		0
27	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.32 Điểm RL ≥ 81	1		0
28	Công nghệ thông tin	D16	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 95	15	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 87	17		0
29	Kế toán	D16	Điểm TBC ≥ 3.76 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.74 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.35	19		0
30	Kiểm toán	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.58 Điểm RL ≥ 81	4		0
31	Kỹ thuật nhiệt	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.25 Điểm RL ≥ 81	4	Điểm TBC ≥ 3.03 Điểm RL ≥ 75	5
32	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D16	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	3	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.34	11		0
33	Quản lý công nghiệp	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 81	4		0
34	Quản lý năng lượng	D16	Điểm TBC ≥ 3.76 Điểm RL ≥ 95	1	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	4		0

TT	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
			Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
35	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	5		0
36	Quản trị kinh doanh	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 80	27	Điểm TBC ≥ 3.17 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.13	4
37	Tài chính – Ngân hàng	D16	Điểm TBC ≥ 3.64 Điểm RL ≥ 92	2	Điểm TBC ≥ 3.47 Điểm RL ≥ 81	14		0
38	Thương mại điện tử	D16		0	Điểm TBC ≥ 3.39 Điểm RL ≥ 81	8		0
39	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D17	Điểm TBC ≥ 3.68 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 3.37 Điểm RL ≥ 95	5		0
40	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.37 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 2.67	8		0
41	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.58 Điểm RL ≥ 80	9
42	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 81	5	Điểm TBC ≥ 2.82 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 2.84	16
43	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D17	Điểm TBC ≥ 3.68 Điểm RL ≥ 95	3	Điểm TBC ≥ 3.20 Điểm RL ≥ 80	15	Điểm TBC ≥ 2.96 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 3.03	14
44	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 81	31	Điểm TBC ≥ 3.18 Điểm RL ≥ 80	6
45	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D17	Điểm TBC ≥ 3.65 Điểm RL ≥ 92	1		0		0
46	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.71 Điểm RL ≥ 79	4
47	Công nghệ thông tin	D17	Điểm TBC ≥ 3.69 Điểm RL ≥ 90	8	Điểm TBC ≥ 3.69 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.37	20	Điểm TBC ≥ 3.74 Điểm RL ≥ 76	1
48	Kế toán	D17	Điểm TBC ≥ 3.61 Điểm RL ≥ 90 Điểm TBCTL ≥ 2.58	11	Điểm TBC ≥ 3.67 Điểm RL ≥ 81	3		0
49	Kiểm toán	D17	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 95	5		0		0
50	Kỹ thuật nhiệt	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.74 Điểm RL ≥ 80	3
51	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.58 Điểm RL ≥ 81	8		0
52	Quản lý công nghiệp	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 80	4	Điểm TBC ≥ 2.89 Điểm RL ≥ 79	4

TT	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
			Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
53	Quản lý năng lượng	D17		0		0	Điểm TBC ≥ 2.50 Điểm RL ≥ 80	8
54	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.28 Điểm RL ≥ 93	6		0
55	Quản trị kinh doanh	D17		0	Điểm TBC ≥ 3.21 Điểm RL ≥ 95	14		0
56	Tài chính – Ngân hàng	D17	Điểm TBC ≥ 3.87 Điểm RL ≥ 95	1	Điểm TBC ≥ 3.39 Điểm RL ≥ 90	7		0
57	Thương mại điện tử	D17	Điểm TBC ≥ 3.68 Điểm RL ≥ 98	3	Điểm TBC ≥ 3.71 Điểm RL ≥ 81	3		0
58	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.31 Điểm RL ≥ 81	7		0
59	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.23 Điểm RL ≥ 81	6	Điểm TBC ≥ 3.0 Điểm RL ≥ 80	5
60	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	D18		0		0	Điểm TBC ≥ 2.63 Điểm RL ≥ 80	7
61	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	D18	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.35 Điểm RL ≥ 80	19		0
62	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	D18	Điểm TBC ≥ 3.78 Điểm RL ≥ 90	4	Điểm TBC ≥ 3.28 Điểm RL ≥ 81 Điểm TBCTL ≥ 3.38	29		0
63	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.31 Điểm RL ≥ 81	25		0
64	Công nghệ kỹ thuật môi trường	D18		0		0	Điểm TBC ≥ 2.81 Điểm RL ≥ 80	1
65	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.24 Điểm RL ≥ 80	1	Điểm TBC ≥ 2.58 Điểm RL ≥ 65	6
66	Công nghệ thông tin	D18	Điểm TBC ≥ 3.62 Điểm RL ≥ 92	8	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 90	23		0
67	Kế toán	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.23 Điểm RL ≥ 81	12	Điểm TBC ≥ 3.18 Điểm RL ≥ 80	4
68	Kiểm toán	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.27 Điểm RL ≥ 81	4	Điểm TBC ≥ 3.18 Điểm RL ≥ 80	1
69	Kỹ thuật nhiệt	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.29 Điểm RL ≥ 81	3	Điểm TBC ≥ 2.74 Điểm RL ≥ 80 Điểm TBCTL ≥ 2.50	7
70	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	D18	Điểm TBC ≥ 3.63 Điểm RL ≥ 90	2	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 90	15		0

TT	Ngành học	Khóa	Xuất sắc		Giỏi		Khá	
			Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV	Điều kiện	Số SV
71	Quản lý công nghiệp	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.22 Điểm RL ≥ 81	3	Điểm TBC ≥ 2.63 Điểm RL ≥ 80	10
72	Quản lý năng lượng	D18	Điểm TBC ≥ 3.69 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 3.59 Điểm RL ≥ 90	1	Điểm TBC ≥ 2.59 Điểm RL ≥ 75	2
73	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 81	7		0
74	Quản trị kinh doanh	D18		0	Điểm TBC ≥ 3.57 Điểm RL ≥ 81	16		0
75	Tài chính – Ngân hàng	D18	Điểm TBC ≥ 3.82 Điểm RL ≥ 95	1	Điểm TBC ≥ 3.50 Điểm RL ≥ 81	9		0
76	Thương mại điện tử	D18	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 90	3	Điểm TBC ≥ 3.75 Điểm RL ≥ 81	5		0
Tổng				154		678		176

Ghi chú:

Điểm TBC : Trung bình học tập kỳ xét học bổng

Điểm RL: Điểm rèn luyện kỳ xét học bổng

Điểm TBCTL: Trung bình chung tích lũy

Điểm TBC RL : Trung bình trung rèn luyện

Người lập biểu



Nguyễn Xuân Hòa

PHỤ LỤC II
DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ KIẾN ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024
(Kèm theo Thông báo số 2663/TB-DHDL ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Trường Đại học Điện lực)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
1	20810620052	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	13/12/2002	D15CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.94	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
2	20810620033	ĐÀO VĂN LONG	20/12/2002	D15CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.78	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
3	20810620087	LÊ ĐÌNH HÙNG	17/10/2002	D15CODYT2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.56	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	7,888,000	8,676,800
4	20810620038	PHẠM MẠNH TÂN	10/04/2001	D15CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
5	20810620018	NGUYỄN BẢO NGỌC	29/7/2002	D15CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.5	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
6	20810620070	NGUYỄN VĂN HÙNG	19/08/2002	D15CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
7	20810620057	PHẠM NGỌC KHIÊM	10/11/2002	D15CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
8	20810620020	TRẦN THỊ THU PHƯƠNG	26/08/2002	D15CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.38	Giỏi	80	Tốt			Giỏi	7,888,000	8,676,800
9	20810620029	LÊ VĂN TÀI	06/12/2002	D15CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.34	Giỏi	80	Tốt	2.9		Giỏi	7,888,000	8,676,800
10	21810620379	TRẦN VĂN CHIẾN	05/02/2003	D16CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.68	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
11	21810620082	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	10/09/2003	D16CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.68	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
12	21810620384	HOÀNG MẠNH SƠN	10/07/2003	D16CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.68	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,020,000	9,922,000
13	21810620027	LÊ GIÁP TUẤN	08/06/2003	D16CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.68	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
14	21810620589	NGUYỄN HỮU NGHĨA	10/12/2003	D16CODYT5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.63	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	9,500,000	11,400,000
15	21810620466	NGUYỄN TIẾN DUY	04/06/2003	D16CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.6	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
16	21810620505	NGUYỄN MINH HIỂU	08/06/2003	D16CODYT4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.55	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	9,500,000	10,450,000
17	21810620585	NGUYỄN VĂN SƠN	02/09/2003	D16CODYT5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.53	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
18	21810620472	KHUẤT VĂN NAM	23/11/2003	D16CODYT4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.53	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
19	21810620016	TRỊNH HẠ THU	06/12/2003	D16CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.5	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	9,500,000	10,450,000
20	21810620487	VŨ ĐỨC HẢI	18/06/2003	D16CODYT4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
21	21810620482	PHẠM XUÂN MỸ	18/03/2003	D16CODYT4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.48	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	9,500,000	10,450,000
22	21810620492	NGUYỄN QUỐC DŨNG	28/03/2003	D16CODYT4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.45	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	9,500,000	10,450,000
23	21810620578	NGUYỄN TRẦN TIẾN	28/07/2003	D16CODYT5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
24	21810620430	NGUYỄN DANH ĐẠT	20/10/2003	D16CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.4	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
25	21810620435	NGUYỄN THÁNH ANH	11/08/2003	D16CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.38	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
26	21810620442	NGUYỄN TUẤN ANH	25/03/2003	D16CODYT3	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.38	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
27	21810620030	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	11/06/2003	D16CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.35	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
28	21810620511	NGUYỄN GIA HIỂU	16/11/2003	D16CODYT4	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.35	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
29	22810620008	NGUYỄN TIỀN PHÚC	13/12/2003	D17CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.74	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
30	22810620040	ĐẶNG THẾ PHONG	16/09/2004	D17CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.68	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	8,497,000	10,196,400
31	22810620093	DƯƠNG QUANG LONG	20/02/2004	D17CODYT2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.61	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
32	22810620023	PHẠM QUANG LONG VŨ	22/04/2004	D17CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.58	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	8,497,000	9,346,700
33	22810620089	NGUYỄN ĐỨC QUANG	27/08/2004	D17CODYT2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
34	22810620074	PHÙNG VĂN SƠN	16/02/2004	D17CODYT2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.37	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	8,497,000	9,346,700
35	23810620040	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	04/10/2005	D18CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.69	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
36	23810620015	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	03/05/2005	D18CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.65	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
37	23810620054	ĐỖ MẠNH HIỂU	18/09/2005	D18CODYT2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.62	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
38	23810620028	NGUYỄN LÊ DUY	07/10/2005	D18CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.54	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
39	23810620037	NGUYỄN HỮU SƠN	01/11/2005	D18CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.46	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
40	23810620061	LÊ HOÀNG BÁCH	25/11/2005	D18CODYT2	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.38	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
41	23810620027	HOÀNG NGỌC ANH	15/11/2005	D18CODYT1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	3.31	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
42	20810000080	ĐÀM CÔNG Ỡ	03/9/2002	D15CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.5	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	8,411,000	9,252,100
43	20810610256	TRẦN VĂN PHONG	26/05/2002	D15CKOTO2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.24	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	8,891,000	9,780,100
44	20810000100	PHẠM VĂN HÙNG	15/11/2002	D15CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.21	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	8,411,000	9,252,100
45	20810610017	NGUYỄN TIẾN MẠNH	19/10/2002	D15CKOTO1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.18	Khá	86	Tốt			Khá	8,891,000	8,891,000
46	20810000091	DƯƠNG HỒNG PHÚC	22/01/2002	D15CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.15	Khá	86	Tốt			Khá	8,411,000	8,411,000
47	20810610259	NGUYỄN BÁ PHƯƠNG NAM	25/12/2002	D15CKOTO1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.15	Khá	86	Tốt			Khá	8,891,000	8,891,000
48	20810610001	LÊ ĐỨC THẮNG	24/9/2002	D15CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.13	Khá	90	Xuất sắc			Khá	8,411,000	8,411,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
49	20810000237	LÊ THANH HẢI	23/05/2001	D15CKOTO2	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.03	Khá	91	Xuất sắc			Khá	8,891,000	8,891,000
50	21810610424	ĐÌNH NGỌC THIÊN	18/08/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.9	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
51	21810610055	TÔ BÁ THÀNH	07/04/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.78	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
52	21810610379	NGUYỄN VĂN LONG	15/09/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.75	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	9,500,000	11,400,000
53	21810610485	NGUYỄN MAI KIỀU	22/02/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.73	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
54	21810610078	TRẦN XUÂN TRUÔNG	28/08/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.63	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
55	21810610476	ĐẶNG ĐÌNH TUYÊN	01/01/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.61	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
56	21810610021	CHU QUANG TỬ	15/09/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
57	21810610420	HÀ NGỌC LINH	19/03/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.58	Giỏi	76	Khá			Khá	9,500,000	9,500,000
58	21810610398	VƯƠNG XUÂN THẮNG	03/11/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.55	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
59	21810610444	NGUYỄN VĂN NGHĨA	18/02/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
60	21810610403	ĐOÀN VĂN HÙNG	04/05/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.48	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
61	21810610494	TÔ NGỌC TRUÔNG	18/08/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.35	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,020,000	9,922,000
62	21810610438	LÊ NGUYỄN BIÊN	17/05/2003	D16CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.33	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	9,020,000	9,922,000
63	22810610025	VŨ MẠNH QUỲNH	05/09/2004	D17CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.79	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
64	22810680045	LƯƠNG VĂN TOÀN	09/03/2004	D17CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.74	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
65	22810610085	NGUYỄN VĂN TUẤN	02/07/2004	D17CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.68	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
66	22810610010	VŨ MINH SƠN	19/01/2004	D17CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.66	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
67	22810610029	NGUYỄN QUANG VINH	07/11/2004	D17CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.63	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
68	22810680064	ĐỖ ĐÌNH VĂN	10/11/2004	D17CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,497,000	9,346,700
69	22810680013	TRẦN DANH TUẤN	16/11/2004	D17CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.37	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	8,497,000	9,346,700
70	22810610088	NGUYỄN NGỌC LÂM	30/06/2004	D17CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.37	Giỏi	81	Tốt	2.67		Giỏi	8,497,000	9,346,700
71	23810610081	PHẠM NGỌC HIỆP	05/07/2005	D18CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.54	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
72	23810610122	TÔ ĐỨC DIỆN	22/12/2005	D18CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.46	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
73	23810610087	NGUYỄN BẢO KHÁNH	29/03/2005	D18CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.46	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
74	23810610017	VŨ TUẤN MINH	10/11/2005	D18CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.46	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
75	23810680016	PHAN VĂN HOÀNG	31/07/2005	D18CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.31	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
76	23810680048	DƯ CAO HUY	19/09/2005	D18CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.23	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,719,000	5,190,900
77	23810680121	TRẦN NGỌC HUẤN	09/04/2005	D18CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.15	Khá	80	Tốt			Khá	4,719,000	4,719,000
78	23810680112	TRẦN ĐẠI KHÁNH	18/05/2005	D18CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.12	Khá	80	Tốt			Khá	4,719,000	4,719,000
79	23810610071	DƯƠNG VĂN ĐẠT	09/12/2005	D18CKCTM	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.08	Khá	89	Tốt			Khá	4,719,000	4,719,000
80	23810680102	NGUYỄN TRUNG HIẾU	27/02/2005	D18CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3.04	Khá	80	Tốt			Khá	4,719,000	4,719,000
81	23810680103	NGUYỄN TIẾN TRUÔNG	11/07/2005	D18CKOTO	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	3	Khá	80	Tốt			Khá	4,719,000	4,719,000
82	20810630055	NGUYỄN QUANG HIẾU	14/10/2002	D15XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.95	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,937,000	10,930,700
83	20810630075	NGUYỄN VĂN NAM	06/11/2002	D15XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.84	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
84	20810630076	VŨ VĂN QUẢN	12/07/2002	D15XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,937,000	10,930,700
85	20810630014	TRẦN HỒNG PHÚC	21/07/2002	D15CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.35	Giỏi	92	Xuất sắc			Giỏi	9,937,000	10,930,700
86	21810650317	LÊ VĂN ĐẠT	09/11/2003	D16XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.2	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	10,460,000	11,506,000
87	21810630023	PHẠM QUANG THÁI	03/06/2003	D16CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.07	Khá	80	Tốt			Khá	10,460,000	10,460,000
88	21810650361	DƯƠNG VĂN PHÁT	04/08/2003	D16XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.85	Khá	91	Xuất sắc			Khá	10,460,000	10,460,000
89	21810640355	NGUYỄN THÀNH LUÂN	08/06/2003	D16QLDA&CTXD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.75	Khá	80	Tốt			Khá	10,460,000	10,460,000
90	21810670366	TRẦN XUÂN BÌNH	21/11/2003	D16CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.73	Khá	91	Xuất sắc			Khá	10,460,000	10,460,000
91	21810670304	PHẠM QUỐC TRINH	07/07/2003	D16CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.73	Khá	80	Tốt			Khá	10,460,000	10,460,000
92	22810650130	NGUYỄN QUỐC SỸ	04/10/2004	D17XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.11	Khá	98	Xuất sắc			Khá	9,297,000	9,297,000
93	22810640060	ĐỖ QUANG VINH	26/10/2004	D17QLDA&CTXD1	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3	Khá	96	Xuất sắc			Khá	9,297,000	9,297,000
94	22810640081	NGUYỄN THỊ HUỖN	02/10/2004	D17QLDA&CTXD2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.79	Khá	96	Xuất sắc			Khá	9,297,000	9,297,000
95	22810630104	ĐÀM MAI XUÂN TRUÔNG	17/10/2004	D17XDCITD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.79	Khá	80	Tốt			Khá	9,297,000	9,297,000
96	22810640093	LÊ NA THỦY LINH	29/03/2004	D17QLDA&CTXD2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.76	Khá	96	Xuất sắc			Khá	9,297,000	9,297,000
97	22810650009	NGUYỄN CAO ĐẠT	17/10/2004	D17XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.66	Khá	96	Xuất sắc			Khá	9,297,000	9,297,000
98	22810640090	ĐÀM DUY LINH	20/03/2004	D17QLDA&CTXD2	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.63	Khá	91	Xuất sắc			Khá	9,297,000	9,297,000
99	22810670136	DƯƠNG ĐỨC HOÀN	31/12/2004	D17CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.63	Khá	80	Tốt			Khá	9,297,000	9,297,000
100	22810650026	VŨ XUÂN CHÍNH	18/08/2004	D17XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.58	Khá	80	Tốt			Khá	9,297,000	9,297,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
101	23810650040	NGUYỄN DUY NHẬT	21/04/2005	D18XDDD&CN	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.19	Khá	94	Xuất sắc			Khá	5,808,000	5,808,000
102	23810640050	LÊ BÀ HÙNG	09/01/2005	D18QLDA&CTXD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	3.16	Khá	80	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
103	23810630078	CAO THU TRANG	29/08/2003	D18XDCTD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.94	Khá	91	Xuất sắc			Khá	5,808,000	5,808,000
104	23810640037	NGUYỄN ĐÌNH QUANG	14/02/2005	D18QLDA&CTXD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.84	Khá	91	Xuất sắc			Khá	5,808,000	5,808,000
105	23810670041	ĐẶNG HOÀNG PHÚC	29/12/2005	D18CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.75	Khá	80	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
106	23810640063	CHU QUỐC HÙNG	03/03/2005	D18QLDA&CTXD	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.69	Khá	80	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
107	23810670076	LÊ HOÀNG VŨ	02/07/2005	D18CODCT	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	2.63	Khá	80	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
108	20810510100	TRƯƠNG DUY HẢI	28/01/1994	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.92	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	9,457,000	11,348,400
109	20810540044	TRẦN THỊ THẢO	17/11/1996	D15DVT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.78	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	8,934,000	10,720,800
110	20810000286	PHẠM VĂN SƠN	HẢI	02/06/2002	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.76	Xuất sắc	71	Khá		Khá	9,457,000	9,457,000
111	20810540058	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	06/09/2002	D15DVT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.61	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	8,934,000	10,720,800
112	20810510120	NGUYỄN TUẤN ANH	26/05/2002	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.61	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	9,457,000	11,348,400
113	20810540015	NGUYỄN THÀNH CÔNG	21/4/2000	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.45	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	9,457,000	10,402,700
114	20810540330	NGUYỄN VĂN NHẬT	05/11/2002	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.45	Giỏi	71	Khá			Khá	9,457,000	9,457,000
115	20810510094	NGUYỄN PHI TRỌNG	19/06/2002	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.39	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	9,457,000	10,402,700
116	20810510088	ĐÌNH QUANG HÀ	20/01/2002	D15DVT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.31	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,934,000	9,827,400
117	20810000254	PHẠM QUANG SỰ	01/06/2002	D15DVT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.28	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,934,000	9,827,400
118	20810000263	NGUYỄN TIẾN HIỆP	10/04/2002	D15DT&KTMT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.25	Giỏi	71	Khá			Khá	9,457,000	9,457,000
119	21810510033	ĐỖ MẠNH HẢI	14/11/2003	D16DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,817,000	9,698,700
120	21810570436	ĐỖ NHẬT LINH	01/01/2003	D16MVT&MT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,817,000	9,698,700
121	21810510031	PHẠM THỊ HƯỜNG	27/05/2003	D16DVT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.42	Giỏi	96	Xuất sắc			Giỏi	8,817,000	9,698,700
122	21810540484	MẠC ANH KHIÊM	04/07/2003	D16DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.42	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,817,000	9,698,700
123	21810540470	NGUYỄN HỮU ĐẠT	17/07/2003	D16DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.37	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	8,817,000	9,698,700
124	21810510547	PHẠM TRƯỜNG AN	13/07/2003	D16DVT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.21	Giỏi	94	Xuất sắc			Giỏi	8,817,000	9,698,700
125	21810540514	BÙI VĂN NAM	29/04/2003	D16DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.2	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,817,000	9,698,700
126	21810530531	BÙI THỊ THU HẢI	25/10/2003	D16BDTYT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.07	Khá	80	Tốt			Khá	9,906,000	9,906,000
127	21810570430	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH MINH	02/09/2003	D16MVT&MT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3	Khá	80	Tốt			Khá	8,817,000	8,817,000
128	21810510062	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	17/09/2003	D16MVT&MT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.97	Khá	80	Tốt			Khá	8,817,000	8,817,000
129	21810510511	DƯƠNG ĐỨC TỬ	27/03/2003	D16DVT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.95	Khá	81	Tốt			Khá	8,817,000	8,817,000
130	21810520371	NGUYỄN HẢI ANH	07/02/2003	D16KTD	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.91	Khá	79	Khá			Khá	8,817,000	8,817,000
131	21810570523	LÊ HUNG HẬU	20/11/2003	D16MVT&MT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.87	Khá	80	Tốt			Khá	8,817,000	8,817,000
132	21810540482	NGHIÊM HOÀNG PHÚC	22/08/2003	D16DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.84	Khá	86	Tốt			Khá	8,817,000	8,817,000
133	21810510056	LÊ VĂN HÙNG	03/07/2003	D16HTM&IOT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.84	Khá	80	Tốt			Khá	8,817,000	8,817,000
134	21810560501	PHẠM BÁ MINH	09/12/2003	D16HTM&IOT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.84	Khá	79	Khá			Khá	8,817,000	8,817,000
135	21810530496	NGUYỄN HÀ GIANG	15/12/2003	D16BDTYT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.82	Khá	80	Tốt	3.01		Khá	8,817,000	8,817,000
136	22810550156	LÊ ĐÌNH TÙNG	30/11/2004	D17KTD	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.29	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	8,337,000	9,170,700
137	22810510140	KIỀU ANH HẢI	08/01/2004	D17DVT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.26	Giỏi	94	Xuất sắc			Giỏi	8,337,000	9,170,700
138	22810510291	BÙI CHÍ VŨ	29/07/2004	D17DVT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.26	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,337,000	9,170,700
139	22810540282	NGUYỄN THỦY LINH	12/02/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.24	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,337,000	9,170,700
140	22810550062	TRẦN MINH TÀI	13/09/2003	D17DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.21	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,337,000	9,170,700
141	22810570043	TRẦN THỊ THẢO	23/10/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.18	Khá	89	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
142	22810540094	TRỊNH HOÀNG TÙNG	18/03/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.16	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
143	22810510026	NGUYỄN HOÀNG ANH	03/10/2004	D17DVT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.13	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
144	22810540083	CAO MINH TUẤN	24/03/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.11	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
145	22810510273	LÊ THANH TÙNG	12/02/2004	D17DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.08	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
146	22810540008	ĐỖ MINH HUY HIỆU	29/12/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.03	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
147	22810540034	NGUYỄN ĐỨC HOÀ	08/10/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.03	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
148	22810540158	NGUYỄN BÁ MINH	14/11/2004	D17DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.03	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
149	22810540129	NGUYỄN TRUNG THẮNG	19/10/2004	D17DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.97	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
150	22810540248	PHẠM VĂN HIỆU	21/11/2004	D17DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.97	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
151	22810510117	NGUYỄN ÁNH NGUYỆT	02/01/2004	D17DVT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.97	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000
152	22810570153	LÊ VĂN DƯƠNG	19/10/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.87	Khá	80	Tốt			Khá	8,337,000	8,337,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
153	22810510224	VƯƠNG NGỌC	ÁNH	03/09/2004	D17DTV2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.87	Khá	80	Tốt		Khá	8,337,000	8,337,000
154	22810510141	NGUYỄN TUẤN	MẠNH	14/11/2004	D17DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.87	Khá	80	Tốt		Khá	8,337,000	8,337,000
155	22810570053	NGUYỄN QUỐC	VƯƠNG	30/06/2004	D17DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.84	Khá	70	Khá		Khá	8,337,000	8,337,000
156	22810540168	NGUYỄN ANH	TUẤN	05/08/2004	D17DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	2.82	Khá	80	Tốt	2.84	Khá	8,337,000	8,337,000
157	23810510116	VƯƠNG ĐÀO	ÁNH	29/12/2005	D18DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.84	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
158	23810540126	NGUYỄN NGỌC	ÁNH	09/01/2005	D18DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.82	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	6,897,000	8,276,400
159	23810540153	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	07/01/2005	D18DT&KTMT2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.71	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	6,897,000	8,276,400
160	23810540217	KHUẤT THỊ NGỌC	ÁNH	02/06/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.68	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	6,897,000	8,276,400
161	23810510163	LÊ TIẾN	HIẾU	24/01/2005	D18DTV2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.63	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	6,897,000	8,276,400
162	23810510105	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	05/10/2005	D18DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.63	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
163	23810510138	ĐINH THỊ	CHUYỀN	06/05/2005	D18DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.63	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
164	23810540044	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	23/04/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.58	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	6,897,000	7,586,700
165	23810540247	ĐẶNG QUỐC	KHÁNH	08/07/2005	D18DT&KTMT3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.55	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
166	23810540081	NGUYỄN TRÍ	KHÁNH	14/01/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.53	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
167	23810540093	HOÀNG NGỌC	HÀ	09/07/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
168	23810540076	NGUYỄN SỸ	THANH	30/12/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
169	23810510025	PHẠM THỊ	HƯƠNG	09/05/2005	D18DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.47	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	6,897,000	7,586,700
170	23810540036	NGUYỄN PHÚ	THIỆN	16/06/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.47	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
171	23810540040	NGUYỄN THU	TRANG	11/03/2005	D18DT&KTMT3	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.42	Giỏi	92	Xuất sắc		Giỏi	6,897,000	7,586,700
172	23810540056	TRỊNH VĂN	LẬP	01/01/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
173	23810540014	TRỊNH TIẾN	MẠNH	14/05/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
174	23810540079	TẠ QUANG	THẠCH	02/11/2005	D18DT&KTMT1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
175	23810530230	CAO HIỀN	LINH	08/05/2005	D18TBDTYT	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.41	Giỏi	94	Xuất sắc		Giỏi	6,171,000	6,788,100
176	23810510106	ĐÀO THỊ THU	HỒNG	21/04/2005	D18DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.39	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
177	23810510123	TRẦN ĐÌNH	THÀNH	28/09/2005	D18DTV1	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.37	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
178	23810510273	PHẠM ANH	TUẤN	26/01/2005	D18DTV2	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.37	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
179	23810520085	LƯƠNG QUANG	ĐẠI	10/02/2005	D18KTD	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	3.35	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	6,171,000	6,788,100
180	20810160507	NGUYỄN XUÂN	CHỨC	06/11/2002	D15H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
181	20810170361	LÊ VĂN	ĐIỀN	11/08/2001	D15TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	8,368,000	10,041,600
182	20810160520	HỒ THỊ HƯƠNG	GIANG	25/03/2002	D15H6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
183	20810170410	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	07/06/2002	D15H6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
184	20810420038	VI THU	HUYỀN	01/11/2002	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	4	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
185	20810420004	NGUYỄN DUY	KHÁNH	27/6/2002	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.94	Xuất sắc	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
186	20810160505	KIM NGỌC	BẢO	11/08/2002	D15H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.91	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
187	20810160532	VŨ CHIẾN	THẮNG	30/04/2002	D15H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.91	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
188	20810420080	LƯƠNG VĂN	BÌNH	09/9/2001	D15H5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.91	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
189	20810160491	ĐÀO KHÁNH	DUY	03/02/2002	D15H5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.85	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
190	20810420113	LÊ TIẾN	ĐỨC	12/11/2002	D15H5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.82	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
191	20810420078	MAI QUANG	HÙNG	03/03/2002	D15H5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.8	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	10,706,000	12,847,200
192	20810110302	NGUYỄN VĂN	LONG	20/08/2002	D15H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.76	Xuất sắc	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
193	20810420006	VŨ ĐỨC	HÀ	10/9/2001	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.71	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
194	20810420107	HOÀNG TIẾN	MẠNH	22/04/2002	D15H5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.68	Xuất sắc	96	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
195	20810110170	THÁI XUÂN	VIỆT	29/5/2002	D15H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.67	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
196	20810160455	LƯU HỮU	HUY	08/12/2002	D15DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.67	Xuất sắc	93	Xuất sắc		Xuất sắc	7,845,000	9,414,000
197	20810160570	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	20/02/2001	D15DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.67	Xuất sắc	91	Xuất sắc		Xuất sắc	7,845,000	9,414,000
198	20810110225	NGUYỄN NHƯ	NAM	09/10/2002	D15DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.67	Xuất sắc	84	Tốt		Giỏi	7,845,000	8,629,500
199	20810170305	TRẦN CÔNG	TUYẾN	21/01/2002	D15TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.66	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	8,368,000	9,204,800
200	20810110155	PHÙNG ANH	TUẤN	06/6/2002	D15H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
201	20810110180	ĐỖ XUÂN	HÀ	07/08/2002	D15H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
202	20810420037	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HÒA	15/5/2002	D15TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,368,000	9,204,800
203	20810420019	LÊ MINH	ÁNH	19/7/2002	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
204	20810420025	PHẠM KHÁNH	LINH	25/10/2002	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.62	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
205	20810160500	ĐỖ ĐỨC	KHÁNH	16/03/2002	D15DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.6	Xuất sắc	91	Xuất sắc		Xuất sắc	7,845,000	9,414,000
206	20810160531	ĐỖ TRUNG	HIẾU	23/06/2002	D15H6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.59	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
207	20810110265	LÊ ĐÌNH	PHƯƠNG	27/12/2002	D15H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.59	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
208	20810110286	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	14/09/2002	D15H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.56	Giỏi	98	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
209	20810420002	NGUYỄN TUẤN	ANH	13/10/2002	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
210	20810110262	NGUYỄN VĂN	THÁI	21/10/2002	D15TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,368,000	9,204,800
211	20810160459	VŨ VĂN	NINH	12/04/2002	D15TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,368,000	9,204,800
212	20810160460	PHÙNG QUANG	MINH	26/03/2002	D15H6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
213	20810160424	ĐỖ ĐĂNG	QUANG	31/03/2002	D15DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,845,000	8,629,500
214	20810420110	NGUYỄN NGỌC	NHI	23/9/2002	D15H5	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
215	20810420039	PHẠM BUI QUYNH	ANH	28/6/2002	D15H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
216	20810160423	NGUYỄN HỮU	HẢI	29/10/2002	D15H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
217	20810160470	LÊ ĐỨC	VINH	25/08/2002	D15DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	93	Xuất sắc		Giỏi	7,845,000	8,629,500
218	21810110442	ĐƯƠNG PHÚ	DŨNG	16/07/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.97	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
219	21810110178	PHAN LÊ	HOÀN	09/04/2003	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.88	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
220	21810170439	PHẠM QUANG	VŨ	07/07/2002	D16TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.82	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
221	21810170296	NGUYỄN NHƯ	HUYNH	18/10/2002	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.79	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
222	21810110505	LÝ ĐÌNH	ĐỖ	12/11/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.79	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
223	21810110007	NGUYỄN QUANG	TRỌNG	28/11/2003	D16H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.76	Xuất sắc	96	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
224	21810110516	BÙI QUANG	LỘC	04/12/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.76	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	8,891,000	10,669,200
225	21810170372	TRẦN CHÂU	GIANG	28/10/2003	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.68	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
226	21810110026	LƯU XUÂN	HUY	13/09/2002	D16H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
227	21810110143	ĐÌNH ĐỨC	CƯỜNG	05/05/2003	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
228	21810110204	NGUYỄN VĂN	QUANG	17/11/2003	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.65	Xuất sắc	71	Khá		Khá	8,891,000	8,891,000
229	21810110185	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	21/02/2003	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.62	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
230	21810110446	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	21/06/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.62	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
231	21810110098	PHẠM MAI MINH	PHƯƠNG	21/11/2003	D16H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.62	Xuất sắc	71	Khá		Khá	8,891,000	8,891,000
232	21810110490	NGUYỄN TIẾN	BÁCH	31/12/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	96	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
233	21810110233	NGUYỄN XUÂN	QUYNH	08/02/2003	D16H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
234	21810170340	LÊ MINH	SANG	06/07/2003	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
235	21810110151	NGUYỄN VĂN	HIẾU	07/07/2003	D16H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
236	21810110069	MAI THỊ BẢO	NGỌC	05/01/2003	D16TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
237	21810110545	NGUYỄN VĂN	HIỆP	18/10/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
238	21810180433	NGUYỄN VĂN	HƯỞNG	10/08/2003	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
239	21810110005	NGUYỄN VĂN	VƯƠNG	28/09/2003	D16H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
240	21810170218	CHU HOÀNG	ANH	26/11/2000	D16TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
241	21810180351	ĐƯƠNG CHU	ĐẠT	23/11/2003	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
242	21810110161	PHẠM MINH	HIẾU	04/11/2003	D16TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,411,000	9,252,100
243	21810180429	ĐỖ VIỆT	ANH	26/10/2003	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	71	Khá		Khá	8,891,000	8,891,000
244	21810110193	TRẦN VĂN	THIỆN	27/10/2003	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
245	21810110209	NGUYỄN NGỌC	TÙNG	26/10/2002	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
246	21810110485	VŨ VIỆT	ĐẠT	03/04/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
247	21810110424	ĐẶNG NHẬT	LONG	04/11/2003	D16H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
248	21810180514	PHẠM CHIẾN	HẢI	01/10/2003	D16DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.43	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	7,322,000	8,054,200
249	21810110015	NGUYỄN ĐỖ HUỖN	TRANG	08/10/2003	D16H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.41	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
250	21810180249	ĐỖ MẠNH	HUY	03/06/2003	D16DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
251	21810110455	NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	27/07/2003	D16H4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
252	21810170440	HỒ NGHĨA	HOÀNG	02/11/2003	D16TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
253	21810110090	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	25/11/2003	D16H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.39	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
254	22810110167	ĐƯƠNG GIA	HIẾU	09/10/2004	D17H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.8	Xuất sắc	98	Xuất sắc		Xuất sắc	7,900,000	9,480,000
255	22810180253	ĐỖ VĂN	TRƯỜNG	14/05/2004	D17DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.8	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
256	22810180407	NGÔ XUÂN	QUỖ	15/03/2004	D17DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.7	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	7,900,000	9,480,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
257	22810180437	LÊ DUY	ĐẠI	27/09/2004	D17DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.68	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	7,900,000	9,480,000
258	22810180041	TRẦN VĂN	HOÀN	09/10/2004	D17DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.63	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
259	22810110161	PHẠM VĂN	TRỌNG	02/03/2004	D17H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.58	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
260	22810170336	KIM NGỌC	THẠCH	17/06/1998	D17TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.55	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	7,900,000	8,690,000
261	22810110438	NGUYỄN THANH	BÌNH	16/07/2004	D17H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	7,900,000	8,690,000
262	22810170352	NGUYỄN THANH	TRUNG	28/10/2004	D17TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.38	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	7,900,000	8,690,000
263	22810110049	DƯ TUẤN	ANH	19/08/2004	D17H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.38	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
264	22810110374	PHẠM PHƯƠNG	ANH	25/08/2004	D17H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.35	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	7,900,000	8,690,000
265	22810110384	HÀ QUANG	Ý	13/04/2004	D17H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.28	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
266	22810170239	NGUYỄN VĂN	HUY	08/12/2004	D17TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.28	Giỏi	70	Khá		Khá	7,900,000	7,900,000
267	22810110095	VŨ THÀNH	KHOI	19/03/2004	D17H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.25	Giỏi	92	Xuất sắc		Giỏi	7,900,000	8,690,000
268	22810110160	TRỊNH NGỌC	HIẾU	21/01/2004	D17H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.25	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
269	22810170165	NGUYỄN HỮU	GIÁP	09/06/2004	D17TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.25	Giỏi	70	Khá		Khá	7,900,000	7,900,000
270	22810160094	PHẠM MINH	HÙNG	08/10/2004	D17DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.23	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
271	22810170361	PHẠM QUỐC	BẢO	19/10/2004	D17TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.2	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	7,900,000	8,690,000
272	22810110315	VŨ KHẮC	DUY	19/09/2004	D17H3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.2	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
273	22810180137	ĐOÀN BÁ	ĐỨC	23/12/2004	D17DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.2	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	7,900,000	8,690,000
274	22810110156	VŨ ĐỨC	PHÚ	07/11/2004	D17H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.18	Khá	91	Xuất sắc		Khá	7,900,000	7,900,000
275	22810170091	PHẠM ĐỨC	TƯỜNG	06/09/2004	D17TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.15	Khá	94	Xuất sắc		Khá	7,900,000	7,900,000
276	22810170025	NGUYỄN HẢI	VĂN	23/05/2004	D17TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.1	Khá	95	Xuất sắc		Khá	7,900,000	7,900,000
277	22810110209	NGUYỄN THANH	TÙNG	02/04/2004	D17H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.1	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
278	22810110076	TÀ TÙNG	THẮNG	15/03/2004	D17H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.05	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
279	22810110133	KIỀU VĂN	QUYỀN	08/03/2004	D17DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.05	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
280	22810110123	PHẠM THANH	TRƯỜNG	13/06/2004	D17H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.05	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
281	22810170348	PHẠM ĐỨC	THÁI	31/05/2004	D17TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.05	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
282	22810180398	ĐẶNG THÁI	PHONG	14/09/2004	D17DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.05	Khá	79	Khá		Khá	7,900,000	7,900,000
283	22810110284	NGUYỄN HỒNG	HIẾU	19/07/2004	D17H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.03	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
284	22810170421	ĐỖ ĐỨC	DUY	25/08/2003	D17TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3	Khá	80	Tốt		Khá	7,900,000	7,900,000
285	22810110447	NGUYỄN CAO	BẮC	24/09/2004	D17H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2.96	Khá	80	Tốt	3.03	Khá	7,900,000	7,900,000
286	23810180405	PHÙNG DUY	BÌNH	08/03/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.89	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	6,534,000	7,840,800
287	23810110466	LÊ VĂN	TIẾN	10/07/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.89	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	6,534,000	7,840,800
288	23810170239	NGUYỄN TRÍ	TRUNG	30/05/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.83	Xuất sắc	93	Xuất sắc		Xuất sắc	6,534,000	7,840,800
289	23810180483	NGUYỄN VĂN	BÌNH	30/01/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.78	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	6,534,000	7,840,800
290	23810180268	NGUYỄN ĐỨC	DƯƠNG	01/11/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.72	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
291	23810110282	NGUYỄN NGỌC	HÀ	23/08/2005	D18H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.61	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
292	23810180465	NGUYỄN BÀ	SƠN	15/06/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.61	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
293	23810170308	BÙI TUẤN	KIỆT	20/02/2005	D18TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.61	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
294	23810180076	LÊ VINH	MINH	25/10/2005	D18DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.61	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
295	23810110081	HOÀNG ĐỨC	DUY	05/04/2005	D18TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.61	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
296	23810110085	NGUYỄN HỮU	HẢI	11/05/2005	D18H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.56	Giỏi	93	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
297	23810110284	PHẠM VĂN	CHÍNH	15/09/2005	D18H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
298	23810170180	NGUYỄN THỊ	THẢO	26/01/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
299	23810180468	NGUYỄN NGỌC	CÁNH	26/11/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
300	23810110189	ĐÌNH THỊ THU	HƯỜNG	21/12/2005	D18H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
301	23810170235	NGUYỄN VĂN	THƯƠNG	05/04/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
302	23810110170	TRỊNH KHÁNH	HUYỀN	02/09/2005	D18H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
303	23810180213	HOÀNG VĂN	TIỆP	20/09/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
304	23810180159	NGUYỄN ANH	ĐỨC	27/12/2005	D18DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
305	23810170126	BÙI THỊ CẨM	LY	17/04/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
306	23810170217	NGUYỄN KHẮC	TUẤN	14/10/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
307	23810170316	NGUYỄN CÔNG	TRƯỜNG	07/12/2005	D18TDHHTD3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.39	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
308	23810170222	LÂM VIỆT	HOA	14/02/2004	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.39	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
309	23810170181	LÊ THỊ THU	HIỀN	20/07/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.33	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
310	23810110129	VŨ QUANG	HẢO	26/03/2005	D18H1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.33	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
311	23810170078	NGUYỄN THÁI	SƠN	08/06/2005	D18TDHHTD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.33	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
312	23810110238	NGUYỄN THANH	BÌNH	29/08/2005	D18H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.33	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
313	23810110370	NGUYỄN NHẬT	LINH	19/12/2005	D18H2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.31	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
314	23810170131	PHẠM NGỌC	ĐẠI	05/03/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.31	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
315	23810170130	ĐỒNG VĂN	QUẦN	04/04/2004	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.31	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
316	23810170146	ĐẬU ĐÌNH	THƯỢNG	16/07/2005	D18TDHHTD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.31	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
317	23810180337	TRỊNH LÊ	BÁ	01/07/2005	D18DCN&DD2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.28	Giỏi	93	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
318	23810180153	ĐÀO XUÂN	KIẾN	01/01/2005	D18DCN&DD1	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	3.28	Giỏi	81	Tốt	3.38	Giỏi	6,534,000	7,187,400
319	20810430417	NGUYỄN HUỖN TIẾN	AN	25/07/2002	D15THDK&TDH	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.73	Xuất sắc	82	Tốt		Giỏi	9,980,000	10,978,000
320	20810410107	PHAN VĂN	THANH	28/7/2002	D15TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.66	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
321	20810410074	NGUYỄN VĂN	LỢI	03/01/2002	D15THDK&TDH	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.5	Giỏi	95	Xuất sắc		Giỏi	8,891,000	9,780,100
322	20810430382	LÊ ĐÌNH	ANH	05/05/2002	D15TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.5	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
323	20810430208	NGUYỄN THÀNH	SƠN	08/08/2002	D15TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
324	20810410118	NGUYỄN NGỌC	QUẦN	01/12/2002	D15TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.47	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
325	20810410094	NGUYỄN QUANG	LINH	09/8/2002	D15TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.44	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
326	20810430320	NGUYỄN VĂN	NAM	06/08/2001	D15TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.44	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
327	20810430363	MA KHÁNH	TÙNG	16/05/2002	D15THDK&TDH	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.44	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
328	20810430375	NGUYỄN ĐÌNH	HIỂU	28/01/2002	D15TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,980,000	10,978,000
329	20810430384	NGUYỄN PHI	TRƯỜNG	20/09/2001	D15CNKTDK	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.38	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
330	20810430279	BÙI VĂN	HOÀNG	29/12/2002	D15TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.38	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
331	20810430149	MAI ĐĂNG	TUẤN	24/02/2002	D15CNKTDK	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
332	20810430151	LÊ PHÚC	THỊNH	16/07/2002	D15THDK&TDH	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
333	20810430253	GIÁP XUÂN	THƯỜNG	01/06/2000	D15TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.32	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
334	20810410016	PHẠM QUANG	DŨNG	12/3/2002	D15TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.32	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
335	20810430211	TRIỆU QUỐC	KHÁNH	02/08/2002	D15TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	82	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
336	20810410119	NGUYỄN VĂN	NINH	03/7/2002	D15TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
337	20810430298	PHẠM VIỆT	HOÀNG	19/11/2002	D15TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
338	20810430386	KHUẤT ĐÌNH	TÙNG	12/02/2002	D15TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.26	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
339	20810410101	ĐỖ VĂN	TÙNG	19/01/2000	D15TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.26	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
340	20810430189	LÊ QUỐC	VIỆT	30/09/2002	D15CNKTDK	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
341	20810430252	PHẠM CÔNG HUY	DU	09/07/2002	D15TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
342	20810430167	ĐẶNG THÁI	ANH	13/04/2002	D15THDK&TDH	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
343	20810430368	NGUYỄN HUY	HIỆP	27/02/2002	D15TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.24	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	8,891,000	9,780,100
344	21810430689	NGUYỄN MINH	ĐỨC	10/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.63	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
345	21810410060	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	09/03/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.63	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
346	21810430612	LÊ THÁI	DƯƠNG	25/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
347	21810430766	ĐẶNG NGỌC	HẢI	20/11/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.41	Giỏi	71	Khá		Khá	7,888,000	7,888,000
348	21810430685	NGUYỄN VĂN	QUANG	06/01/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.38	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
349	21810440627	HỒ SỸ	VIỆT	22/07/2003	D16THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.36	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,614,000	9,475,400
350	21810440600	TRẦN TRUNG	NGUYỄN	10/03/2003	D16THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.33	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,614,000	9,475,400
351	21810430690	NGUYỄN VĂN	NINH	09/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.28	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
352	21810430523	TRỊNH ĐÌNH	DƯƠNG	28/06/2003	D16TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.28	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
353	21810430462	NGUYỄN VIỆT	DŨNG	13/01/2003	D16TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.23	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,934,000	9,827,400
354	21810430680	NGUYỄN VIỆT	ANH	04/06/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.22	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,888,000	8,676,800
355	21810410665	NGUYỄN TIẾN	SƠN	01/07/2003	D16TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.19	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
356	21810430546	PHẠM QUỐC	CƯỜNG	23/10/2003	D16TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.16	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
357	21810430643	VŨ QUANG	BẢO	16/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.13	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
358	21810410040	PHẠM ANH	ĐẠT	10/06/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.13	Khá	70	Khá		Khá	7,888,000	7,888,000
359	21810430666	LÊ KHÁNH	DƯƠNG	23/05/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.09	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
360	21810410080	NGUYỄN TRỌNG	DŨNG	21/10/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.09	Khá	70	Khá		Khá	7,888,000	7,888,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
361	21810430493	PHẠM TRỌNG	HIỆU	30/08/2002	D16TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.08	Khá	80	Tốt		Khá	6,799,000	6,799,000
362	21810430471	LẠI ĐỨC	TÂM	02/03/2003	D16TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.06	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
363	21810430732	NGUYỄN LỆNH	THIỆN	01/04/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
364	21810430746	LA TUẤN	ANH	14/06/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3	Khá	70	Khá		Khá	7,888,000	7,888,000
365	21810410737	NGUYỄN NGỌC	HOÀN	22/12/2003	D16CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.94	Khá	80	Tốt		Khá	8,934,000	8,934,000
366	21810410006	HOÀNG VĂN	THÁI	04/10/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.93	Khá	69	Khá		Khá	7,888,000	7,888,000
367	21810440632	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	12/06/2003	D16THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.92	Khá	80	Tốt		Khá	8,614,000	8,614,000
368	21810430479	NGUYỄN TÂN	DŨNG	04/01/2003	D16TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.91	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
369	21810440635	VŨ MẠNH	THẮNG	15/09/2003	D16THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.89	Khá	80	Tốt		Khá	8,614,000	8,614,000
370	21810430641	VŨ THÀNH	ĐẠT	24/02/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.89	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
371	21810410033	NGUYỄN NGỌC	QUANG	18/07/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.89	Khá	70	Khá		Khá	7,888,000	7,888,000
372	21810410046	NGUYỄN XUÂN	ĐOÀN	12/10/2003	D16TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.88	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
373	21810410654	LÊ ĐẮC	TUYẾN	13/01/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.88	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
374	21810430682	CAO HỮU	KHÁNH	04/08/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.88	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
375	21810430775	TRẦN ĐỨC	ANH	15/11/2000	D16TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.84	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
376	21810410134	ĐỖ VĂN	TIẾN	01/03/2003	D16TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.84	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
377	21810430704	LÊ VĂN	VINH	05/10/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.81	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
378	21810430676	ĐOÀN HUYỀN	TRANG	07/02/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.81	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
379	21810440410	ĐÌNH TRỌNG	ĐẠT	10/08/2003	D16THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.8	Khá	80	Tốt		Khá	8,614,000	8,614,000
380	21810410156	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	26/08/2003	D16CNKTDK1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.78	Khá	80	Tốt		Khá	8,934,000	8,934,000
381	21810430701	VÕ ĐÌNH	TUYẾN	04/12/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.78	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
382	21810430568	NGUYỄN VĂN	NAM	19/06/2003	D16TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.75	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
383	21810410650	HOÀNG VĂN	THẮNG	22/11/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.75	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
384	21810430622	VŨ TIẾN	TRUNG	17/12/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.75	Khá	80	Tốt		Khá	7,888,000	7,888,000
385	21810430630	NGUYỄN XUÂN	HUY	23/08/2003	D16TDH&DKTBCN5	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	2.75	Khá	80	Tốt	2.45	Khá	7,888,000	7,888,000
386	22810440028	NGUYỄN PHAN NAM	KHÁNH	02/02/2004	D17THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.76	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
387	22810430107	HOÀNG MINH	TRÍ	21/06/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.65	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
388	22810430460	DƯƠNG VĂN	QUÂN	07/10/2004	D17TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.65	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
389	22810430229	BÙI LONG	VŨ	29/11/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.58	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
390	22810440015	VŨ SỸ	DŨNG	12/07/2004	D17THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
391	22810430003	PHAN MINH	TUẤN	15/07/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
392	22810430234	PHẠM QUỐC	TRÍ	10/12/2004	D17TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
393	22810410277	NGUYỄN ĐỨC	TUẤN	10/10/2004	D17CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
394	22810430020	LÊ TRUNG	KIẾN	19/02/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
395	22810430440	VĂN HUY	MẠNH	16/02/2004	D17TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.43	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
396	22810430191	TRẦN VĂN	KHÁNH	02/03/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
397	22810430232	ĐỖ VĂN	HƯỞNG	20/07/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
398	22810430178	TRẦN NGUYỄN ANH	NAM	07/07/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
399	22810430230	NGUYỄN NHÃN	VŨ	05/06/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.41	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
400	22810440145	NGUYỄN THÀNH	LỘC	22/08/2004	D17THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.38	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
401	22810430089	NGUYỄN CÔNG	TÂN	27/02/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
402	22810440340	ĐỖ MINH	HIỆU	02/02/2004	D17THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
403	22810440434	HOÀNG QUỐC	TRƯỜNG	25/05/2004	D17THDK&TDH3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
404	22810430168	VŨ MINH	ĐỨC	31/08/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
405	22810440349	VŨ TIẾN	ĐẠT	13/07/2004	D17THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
406	22810430148	NGUYỄN THẾ	HÙNG	21/03/2004	D17TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
407	22810440273	HOÀNG KIM	AN	16/09/2004	D17THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
408	22810430104	ĐỖ ĐĂNG	LỰC	05/09/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
409	22810430249	BẠCH NHƯ	Ỡ	17/12/2004	D17TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
410	22810430470	DƯƠNG VĂN	AN	10/06/2004	D17TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.29	Giỏi	71	Khá		Khá	7,931,000	7,931,000
411	22810430106	ĐÀO ĐỨC	THẮNG	17/01/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.26	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
412	22810440032	NGUYỄN PHAN DUY	TÂN	13/07/2004	D17THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động ho	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VND)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VND)
413	22810430094	NGUYỄN MẠNH	TUẤN	10/08/2004	D17TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
414	22810440441	NGUYỄN HOÀNG	ĐỆ	09/03/2004	D17THDK&TDH3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
415	22810430303	LÊ ANH	DŨNG	05/06/2004	D17TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
416	22810440212	LÊ MINH	TUẤN	25/05/2004	D17THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
417	22810430462	TÔ CẢNH	HÙNG	16/01/2004	D17TDH&DKTBCN4	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.24	Giỏi	71	Khá		Khá	7,931,000	7,931,000
418	22810410354	TRẦN ĐỨC	THIỆN	21/07/2003	D17CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.21	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	7,931,000	8,724,100
419	22810440010	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	18/08/2004	D17THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.18	Khá	80	Tốt		Khá	7,931,000	7,931,000
420	22810440291	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	29/07/2004	D17THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.18	Khá	80	Tốt		Khá	7,931,000	7,931,000
421	22810410329	TRẦN CÔNG	MINH	11/03/2004	D17CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.18	Khá	80	Tốt		Khá	7,931,000	7,931,000
422	22810430275	PHẠM LINH	QUANG	02/02/2004	D17TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.18	Khá	80	Tốt		Khá	7,931,000	7,931,000
423	23810430157	LÃ XUÂN	GIANG	05/10/2005	D18TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.83	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
424	23810410208	NGUYỄN VĂN	TÂN	26/12/2005	D18CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.78	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
425	23810410283	NGUYỄN MINH	HIẾU	08/01/2005	D18CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.69	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
426	23810430113	HOÀNG THỊ NGÂN	LOAN	14/06/2005	D18TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.67	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
427	23810430144	ĐỖ THỊ HƯƠNG	THẢO	20/06/2005	D18TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.64	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
428	23810430263	DƯ MINH	ĐẠT	11/04/2005	D18TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.61	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
429	23810430154	LÊ HOÀNG	QUÝ	05/01/2005	D18TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.61	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
430	23810430218	NGUYỄN BÁ	MẠNH	10/02/2005	D18TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.58	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
431	23810440023	VŨ HOÀNG	ANH	10/08/2005	D18THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
432	23810430259	NGUYỄN VĂN	THAO	25/04/2005	D18TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
433	23810410002	NGUYỄN TRƯỞNG	GIANG	29/12/2005	D18CNKTDK1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
434	23810430202	ĐOÀN VĂN	PHONG	16/09/2005	D18TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.5	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
435	23810430112	ĐỖ ĐỨC	HIẾU	25/05/2005	D18TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
436	23810430169	BÙI MẠNH	TRƯỞNG	28/10/2005	D18TDH&DKTBCN2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
437	23810440083	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	06/01/2005	D18THDK&TDH1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
438	23810410138	ĐÀO QUANG	HUY	01/01/2005	D18CNKTDK1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
439	23810430064	BÙI TẮT	HIẾP	21/01/2005	D18TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
440	23810410222	NGUYỄN TUẤN	HÙNG	10/04/2005	D18CNKTDK2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
441	23810430099	TRƯƠNG TIẾN	ĐẠT	01/12/2005	D18TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.39	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
442	23810430078	PHÙNG TIẾN	DŨNG	12/08/2005	D18TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.39	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
443	23810430233	TRẦN XUÂN	QUÝ	21/01/2005	D18TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.39	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
444	23810430302	PHẠM XUÂN	TRƯỜNG	02/01/2005	D18TDH&DKTBCN3	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.33	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
445	23810430092	LẠI TRUNG	TRỰC	05/03/2005	D18TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.33	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
446	23810430042	NGUYỄN VĂN	QUỲNH	20/04/2005	D18TDH&DKTBCN1	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.31	Giỏi	92	Xuất sắc		Giỏi	6,534,000	7,187,400
447	23810440206	CHU TRẦN VIỆT	HÀ	09/08/2005	D18THDK&TDH2	ông nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	3.31	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	6,534,000	7,187,400
448	20810000377	NGUYỄN THỊ	AN	18/08/2002	D15QLMTCN	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3.61	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	9,414,000	10,355,400
449	20810000406	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	20/10/2002	D15QLMTCN	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3.57	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,414,000	10,355,400
450	21819140271	NGUYỄN KHÁNH	LINH	01/12/2003	D16QLMTCN	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3.47	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,977,000	9,874,700
451	22819140079	TRẦN XUÂN	TIẾN	05/12/2004	D17QLMTCN	Công nghệ kỹ thuật môi trường	3.65	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	7,931,000	9,517,200
452	23819140005	LẠI UYÊN	NHI	17/12/2005	D18QLMTCN	Công nghệ kỹ thuật môi trường	2.81	Khá	80	Tốt		Khá	6,534,000	6,534,000
453	20810000450	NGUYỄN NGỌC	TỬ	21/08/2002	D15NLTT	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.78	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	9,414,000	10,355,400
454	20810000365	MẠC THỊ ANH	NGUYỆT	02/12/2002	D15NLTT	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.72	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	9,414,000	10,355,400
455	20810000444	NGUYỄN ANH	TUẤN	12/01/2002	D15NLTT	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.44	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,414,000	10,355,400
456	21819100002	TRẦN TIẾN	ĐẠT	19/10/2003	D16NLTT	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.32	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,414,000	10,355,400
457	22819150063	LƯU CHIẾN	HẢI	11/11/2004	D17NLTT2	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.02	Khá	79	Khá		Khá	8,977,000	8,977,000
458	22819150010	NGUYỄN BÁ	ĐỨC	29/07/2004	D17NLTT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.87	Khá	80	Tốt		Khá	8,977,000	8,977,000
459	22819150034	NGUYỄN VŨ	HÙNG	05/04/2004	D17NLTT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.84	Khá	80	Tốt		Khá	8,977,000	8,977,000
460	22819150064	ĐINH HUY	HIẾU	03/11/2004	D17NLTT2	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.71	Khá	79	Khá		Khá	8,251,000	8,251,000
461	23819150039	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	20/02/2005	D18NLTT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.24	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	6,897,000	7,586,700
462	23819150019	ĐỖ TUẤN	LINH	08/12/2005	D18NLTT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	3.03	Khá	80	Tốt		Khá	6,897,000	6,897,000
463	23819150017	HOÀNG DIỆU	LINH	30/10/2004	D18NLTT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.76	Khá	80	Tốt		Khá	6,897,000	6,897,000
464	23819150031	NGUYỄN HUY	HOÀNG	26/11/2005	D18NLTT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.68	Khá	80	Tốt		Khá	6,897,000	6,897,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
465	23819150051	TRỊNH MINH ĐỨC	20/11/2005	D18NLT2	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.68	Khá	65	Khá			Khá	6,897,000	6,897,000
466	23819150015	NGUYỄN LÊ ĐĂNG KHOA	01/11/2005	D18NLT1	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.66	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
467	23819150070	NGÔ ĐÌNH QUỐC	07/01/2005	D18NLT2	Công nghệ kỹ thuật năng lượng	2.58	Khá	65	Khá			Khá	6,897,000	6,897,000
468	20810310388	BÙI THỊ LAN	20/11/2002	D15HTTMDT1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,276,000	7,531,200
469	20810310456	NGUYỄN TIẾN THẾ	04/06/2002	D15QTANM	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,276,000	7,531,200
470	20810310035	LÊ HOÀI PHƯƠNG	05/9/2001	D15HTTMDT1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,276,000	7,531,200
471	20810320116	PHẠM TRUNG HIẾU	15/05/2002	D15CNPM7	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,276,000	7,531,200
472	20810310042	TRẦN HỮU CHÂU	10/9/1997	D15CNPM1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,845,000	8,629,500
473	20810320119	VŨ THỊ LINH	19/01/2002	D15TTNT&TGMT	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
474	20810340160	NGUYỄN DUY NAM	06/06/2002	D15CNPM3	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
475	20810310074	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI	10/3/1999	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
476	20810310555	NGUYỄN THỊ KIM HUỆ	24/06/2002	D15HTTMDT1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
477	20810310298	PHAN TIẾN HUY	21/09/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
478	20810310264	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	14/12/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
479	20810320107	ĐỖ ĐĂNG TÙNG	06/10/2002	D15CNPM7	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
480	20810310331	NGUYỄN HỮU HUẤN	17/11/2002	D15CNPM3	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
481	20810310071	NGUYỄN DUY ANH	26/12/1998	D15HTTMDT1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
482	20810310471	HOÀNG THỊ HỒNG HÀ	22/06/2002	D15CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
483	20810310282	NGÔ ANH ĐỨC	18/07/2002	D15HTTMDT2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
484	20810310272	CHU MINH NAM	07/02/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
485	20810320082	LÊ TRỌNG VĂN	15/11/1999	D15QTANM	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
486	20810310274	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	12/07/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
487	20810310044	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	19/3/2002	D15HTTMDT1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
488	20810310300	NGUYỄN VĂN HẢI	16/12/2001	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
489	20810340188	NGUYỄN THÀNH LONG	15/01/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
490	20810340167	TRẦN LÊ ANH VŨ	02/06/2002	D15CNPM4	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
491	20810310472	NGÔ PHÚ HÙNG	09/07/2002	D15QTANM	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
492	20810310347	NGUYỄN MẠNH HÙNG	29/01/2002	D15TTNT&TGMT	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
493	20810310342	NGUYỄN THỊ THÚY GIANG	03/04/2002	D15CNPM3	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
494	20810310432	ĐẶNG HOÀNG NAM	15/11/2002	D15QTANM	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
495	20810340169	LÊ CHÍ HIỂN	05/10/2002	D15CNPM6	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
496	20810310479	NGUYỄN TÙNG LÂM	28/09/2002	D15CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
497	20810310480	HÀ THỊ KIỀU ANH	19/08/2002	D15CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
498	20810310073	ĐẶNG PHƯƠNG ANH	01/01/2002	D15CNPM6	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
499	20810310293	TẠ THỊ CHINH	18/09/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
500	20810310430	PHẠM ĐỨC MẠNH	13/03/2002	D15CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
501	20810310262	NGUYỄN ĐỨC ANH	18/10/2002	D15CNPM2	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
502	20810320579	THẢO A PÓ	05/12/2002	D15TTNT&TGMT	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
503	20810310029	ĐỖ CHUNG HIẾU	07/9/2002	D15CNPM1	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,276,000	6,903,600
504	21810310144	PHẠM THỊ THU HOÀI	02/12/2003	D16CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
505	21810310146	LƯƠNG THỊ XUÂN MAI	26/12/2003	D16CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,937,000	10,930,700
506	21810310530	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	26/05/2003	D16CNPM5	Công nghệ thông tin	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,937,000	10,930,700
507	21810310426	TRỊNH MỸ DUYỀN	17/05/2003	D16CNPM3	Công nghệ thông tin	3.95	Xuất sắc	96	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
508	21810310371	NGUYỄN THỊ TRANG	24/08/2003	D16CNPM2	Công nghệ thông tin	3.95	Xuất sắc	96	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
509	21810310448	NGUYỄN QUỐC VIỆT	12/12/2003	D16CNPM3	Công nghệ thông tin	3.89	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
510	21810310062	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	04/12/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.89	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
511	21810310642	HOÀNG THỊ NHUNG	20/09/2003	D16CNPM2	Công nghệ thông tin	3.89	Xuất sắc	91	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
512	21810310071	BÙI HUYỀN TRANG	14/02/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.89	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,457,000	10,402,700
513	21810350375	HOÀNG VĂN ĐÔNG	26/08/2003	D16TTNT&TGMT	Công nghệ thông tin	3.88	Xuất sắc	82	Tốt			Giỏi	10,460,000	11,506,000
514	21810310005	PHẠM ĐỨC TÀI	16/10/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.87	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
515	21810310045	BÙI KHÁNH AN	10/10/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.87	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
516	21810310176	NGÔ THU THÚY	13/10/2003	D16CNPM6	Công nghệ thông tin	3.87	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	9,937,000	10,930,700

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VND)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VND)
517	21810310340	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	27/07/2003	D16CNPM7	Công nghệ thông tin	3.84	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
518	21810310028	NGUYỄN DUY	DƯƠNG	15/11/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.84	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
519	21810310022	TA VĂN THÁNH	HÙNG	05/06/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.84	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
520	21810310150	LÊ THỊ	TRẦN	25/10/2003	D16CNPM5	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
521	21810310370	LÝ VĂN	CHUYÊN	03/01/2003	D16CNPM2	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	91	Xuất sắc		Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
522	21810310070	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	29/04/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
523	21810310050	NGUYỄN CÔNG	SƠN	22/05/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
524	21810310589	NGUYỄN THỦY	HƯƠNG	18/05/2003	D16CNPM6	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
525	21810310015	NGUYỄN MINH	ĐỨC	18/07/2003	D16CNPM1	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
526	21810310134	TRẦN MAI	ANH	22/06/2003	D16HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.8	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,704,000	10,674,400
527	21810310363	MAI TIẾN	ĐẠT	17/02/2003	D16CNPM2	Công nghệ thông tin	3.79	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
528	21810310619	NGUYỄN KHẮC	CƯỜNG	07/07/2003	D16CNPM7	Công nghệ thông tin	3.79	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
529	21810310185	LÊ MẠNH	TRƯỜNG	13/11/2003	D16CNPM6	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
530	21810310097	NGUYỄN THẾ	QUỖY	17/11/2003	D16CNPM3	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
531	21810310193	VŨ THỊ HOÀI	THU	03/10/2003	D16CNPM7	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
532	21810310453	HỒ THỊ	NHUNG	05/03/2003	D16CNPM4	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
533	21810310337	BÙI HUY	HÙNG	07/05/2003	D16CNPM7	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
534	21810310020	ĐÌNH THỊ	HẢI	13/09/2003	D16HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.75	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	9,704,000	11,644,800
535	21810310132	NGUYỄN THẾ	TÙNG	04/04/2003	D16CNPM4	Công nghệ thông tin	3.75	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	8,368,000	9,204,800
536	22810340016	LÊ THỊ	QUỖYNH	12/12/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.95	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
537	22810340310	PHẠM THỊ NGỌC	ÁNH	24/02/2004	D17HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.91	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	10,042,000	11,046,200
538	22810310377	HOÀNG THỊ	THẢO	15/07/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.9	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
539	22810310425	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	26/12/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.9	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
540	22810340364	LẠI THỊ PHƯƠNG	LINH	09/01/2004	D17HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.89	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	10,042,000	11,046,200
541	22810310033	VŨ TIẾN	TÀI	22/06/2004	D17CNPM1	Công nghệ thông tin	3.88	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
542	22810340001	PHẠM TIẾN	HÙNG	23/02/2004	D17HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.86	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	10,042,000	12,050,400
543	22810310241	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	05/08/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.86	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
544	22810310397	LÊ THÁI	NAM	20/09/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.83	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
545	22810310128	MAI VĂN	HOÀNG	02/11/2004	D17CNPM2	Công nghệ thông tin	3.79	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
546	22810320039	LÊ GIA	HUY	28/12/2004	D17QTANM	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
547	22810310160	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	07/03/2004	D17CNPM3	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
548	22810310261	VŨ THỊ KIM	LIÊN	08/06/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
549	22810310338	NGUYỄN GIA	HUY	20/09/2004	D17CNPM5	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
550	22810310234	TRỊNH THỊ THU	HUYỀN	01/01/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	82	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
551	22810310335	TA KIỀU	VÂN	12/11/2004	D17CNPM5	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
552	22810320435	NGUYỄN BẢO	KHÁNH	08/04/2004	D17QTANM	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
553	22810310123	NGUYỄN THỊ	LIÊN	12/12/2004	D17CNPM2	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
554	22810310083	NGUYỄN VĂN	TÚ	09/04/2004	D17CNPM2	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
555	22810310431	KHÚC XUÂN	TRIỂN	28/07/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.74	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
556	22810310410	NGUYỄN DUY	HIỆP	22/06/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.74	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
557	22810310262	HOÀNG TRUNG	HIẾU	22/12/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.74	Xuất sắc	76	Khá		Khá	10,183,000	10,183,000
558	22810310081	LÊ ĐĂNG	VINH	01/10/2004	D17QTANM	Công nghệ thông tin	3.71	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
559	22810310268	NGUYỄN GIA	HUY	24/05/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.71	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
560	22810310423	NGUYỄN THỊ	LÝ	01/02/2004	D17CNPM6	Công nghệ thông tin	3.71	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
561	22810310267	ĐIỀU THÚY	LIÊN	20/09/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.69	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
562	22810310245	NGUYỄN CHÂU	THANH	10/09/2004	D17CNPM4	Công nghệ thông tin	3.69	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	10,183,000	12,219,600
563	22810340201	ĐỖ MẠNH	CƯỜNG	26/05/2004	D17CNPM5	Công nghệ thông tin	3.69	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
564	22810310153	BÙI ĐÀM ANH	TUẤN	18/01/2004	D17CNPM2	Công nghệ thông tin	3.69	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	10,183,000	11,201,300
565	23810310144	NGUYỄN BÀ	NHÂN	18/08/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.88	Xuất sắc	81	Tốt	3.37	Giỏi	6,171,000	6,788,100
566	23810310171	VŨ QUANG	THÀNH	27/11/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.82	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	6,171,000	6,788,100
567	23810310071	NGUYỄN THỊ THỦY	NHÂM	07/11/2005	D18CNPM1	Công nghệ thông tin	3.79	Xuất sắc	95	Xuất sắc		Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
568	23810310083	ĐIỂM VIỆT	ANH	17/03/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.79	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	6,171,000	6,788,100

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
569	23810310027	NGUYỄN THỊ XUÂN HOA	24/12/2005	D18CNPM1	Công nghệ thông tin	3.79	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
570	23810310081	TRẦN MINH NGUYỆT	10/11/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
571	23810310199	ĐỖ THỊ THÚY TRANG	29/08/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
572	23810310222	TRƯỜNG QUỐC LỘC	06/03/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.76	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
573	23810320030	PHẠM MINH ĐỨC	10/06/2005	D18QTANM	Công nghệ thông tin	3.74	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
574	23810310132	ĐỖ QUANG HẢ	13/06/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.71	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
575	23810310265	PHẠM-THỊ PHƯƠNG	12/02/2005	D18CNPM4	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
576	23810310183	NGUYỄN THỊ DIỆU CHÂU	21/12/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
577	23810310076	PHẠM ĐÌNH TIỀN HOÀNG	04/11/2005	D18CNPM1	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
578	23810310003	LÊ QUỲNH TRANG	21/08/2005	D18CNPM1	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
579	23810310338	NGUYỄN HOÀNG DŨNG	12/09/2005	D18CNPM5	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
580	23810310190	LƯU XUÂN TÙNG	04/03/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
581	23810310177	NGUYỄN THỊ HUỆ MINH	09/03/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.65	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
582	23810310119	ĐÌNH TRỌNG NGHĨA	17/10/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.62	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,171,000	7,405,200
583	23810310194	TẠ THỊ NGỌC ÁNH	03/06/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.62	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
584	23810310228	HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN	22/02/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.62	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
585	23810310233	PHẠM TRẦN THÀNH CÔNG	17/05/2005	D18CNPM3	Công nghệ thông tin	3.62	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
586	23810310397	NGUYỄN QUANG ĐẠT	01/02/2005	D18CNPM1	Công nghệ thông tin	3.59	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,171,000	6,788,100
587	23810310246	BÙI ĐÌNH HIẾU	15/08/2005	D18CNPM4	Công nghệ thông tin	3.59	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
588	23810320137	NGUYỄN VIỆT THẢO	12/11/2005	D18QTANM	Công nghệ thông tin	3.59	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
589	23810340287	PHAN THỊ THẢO VI	29/07/2005	D18HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.59	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
590	23810310061	NGUYỄN VĂN NGHĨA	15/08/2005	D18CNPM1	Công nghệ thông tin	3.56	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
591	23810310152	NGUYỄN THỊ HẢO	15/01/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.56	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
592	23810340122	NGUYỄN THỂ PHONG	18/03/2005	D18HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.56	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
593	23810320448	TRẦN QUANG VINH	05/11/2005	D18QTANM	Công nghệ thông tin	3.56	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
594	23810340442	NGUYỄN TRƯỜNG HUNG	27/03/2005	D18HTTMDT	Công nghệ thông tin	3.53	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	6,171,000	6,788,100
595	23810310115	LÊ MINH QUÂN	09/12/2005	D18CNPM2	Công nghệ thông tin	3.5	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	6,171,000	6,788,100
596	20810810065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	12/05/2002	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
597	20810810138	NGUYỄN NGỌC DIỆP	27/02/2002	D15KT&KS	Kế toán	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
598	20810810018	HỒ THU YẾN NHI	25/5/2002	D15KTDN1	Kế toán	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
599	20810830232	PHAN UYÊN LINH	08/03/2002	D15KTDN3	Kế toán	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
600	20810830193	HOÀNG XUÂN SƠN	15/11/2002	D15KTDN3	Kế toán	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
601	20810830206	NGUYỄN TRUNG HIẾU	13/12/2002	D15KTDN3	Kế toán	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
602	20810810071	NGUYỄN THỊ NAM PHƯƠNG	15/07/2002	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
603	20810830214	BÙI VĂN ANH	11/06/2002	D15KTDN3	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
604	20810810103	CAO THỊ THÚY	15/08/2001	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
605	20810810050	NGUYỄN THỊ THÚY LINH	01/11/2002	D15KTDN1	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
606	20810810171	NGUYỄN THỊ THU HỒNG	14/02/2002	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
607	20810810051	DƯƠNG THÚY LINH	16/10/2002	D15KTDN1	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
608	20810810003	PHẠM THỊ PHƯƠNG ANH	20/5/2001	D15KTDN1	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	5,643,220	6,207,542
609	20810810129	NGUYỄN DIỆU LINH	05/01/2002	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
610	20810810136	NGUYỄN ÍCH HẢ	06/07/2002	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
611	20810810109	VŨ THỊ THU HIỀN	08/03/2002	D15KTDN1	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
612	20810810177	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	28/05/2002	D15KTDN2	Kế toán	4	Xuất sắc	87	Tốt	3.28	86	Giỏi	6,034,000	6,637,400
613	21810810234	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	28/10/2003	D16KTDN4	Kế toán	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc			Xuất sắc	8,189,000	9,826,800
614	21810810165	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	13/12/2003	D16KTDN3	Kế toán	4	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
615	21810810025	LƯU NGỌC ÁNH	30/09/2003	D16KTDN1	Kế toán	3.95	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
616	21810810050	NGUYỄN THÚY LINH	09/08/2003	D16KT&KS	Kế toán	3.91	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,278,000	10,205,800
617	21810810241	TỔ MINH ÁNH	28/07/2003	D16KT&KS	Kế toán	3.89	Xuất sắc	96	Xuất sắc			Xuất sắc	8,189,000	9,826,800
618	21810810224	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	06/01/2003	D16KTDN4	Kế toán	3.89	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
619	21810810272	TRẦN THỊ NGÂN	04/03/2003	D16KTDN5	Kế toán	3.89	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
620	21810810178	TRẦN PHƯƠNG NGÀ	05/09/2003	D16KT&KS	Kế toán	3.84	Xuất sắc	82	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
621	21810810132	NGUYỄN THẢO NGÂN	01/03/2003	D16KTDN2	Kế toán	3.84	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
622	21810810176	ĐỖ THỊ BẢO YẾN	18/02/2003	D16KTDN3	Kế toán	3.84	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
623	21810830235	ĐƯƠNG THỊ THU TRANG	03/11/2003	D16KT&KS	Kế toán	3.84	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
624	21810810290	NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	28/11/2003	D16KTDN5	Kế toán	3.84	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
625	21810810065	LÊ MINH THƯ	20/09/2003	D16KTDN1	Kế toán	3.84	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
626	21810810212	ĐẶNG PHƯƠNG DUNG	05/09/2003	D16KTDN4	Kế toán	3.82	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	8,189,000	9,826,800
627	21810810022	HOÀNG HÀ CHI	22/07/2003	D16KT&KS	Kế toán	3.82	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
628	21810810007	BÙI THỊ MINH NGUYỆT	16/02/2003	D16KTDN1	Kế toán	3.79	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
629	21810810316	GIÁP THỊ HÀNG	07/08/2003	D16KTDN5	Kế toán	3.79	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
630	21810810193	DIỆP THỊ MAI PHƯƠNG	16/08/2003	D16KTDN3	Kế toán	3.79	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
631	21810810126	TRẦN THANH PHƯƠNG	29/01/2003	D16KTDN2	Kế toán	3.76	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	8,189,000	9,826,800
632	21810810121	VŨ BÍCH DU	12/12/2003	D16KTDN2	Kế toán	3.76	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
633	21810810099	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	13/09/2003	D16KTDN3	Kế toán	3.74	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
634	21810810042	TRẦN THỊ KIM DUYỀN	13/11/2003	D16KTDN1	Kế toán	3.74	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
635	21810830233	NGUYỄN THỊ LINH	29/10/2002	D16KT&KS	Kế toán	3.74	Xuất sắc	81	Tốt	3.35		Giỏi	8,189,000	9,007,900
636	22810830082	NGUYỄN THUY DUNG	06/03/2004	D17KT&KS	Kế toán	3.89	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	8,053,000	9,663,600
637	22810810162	ĐỖ NGỌC ANH	19/10/2004	D17KTDN3	Kế toán	3.86	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
638	22810810010	NGUYỄN HOÀNG KHẮP LY	21/11/2003	D17KTDN1	Kế toán	3.81	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
639	22810810048	TRẦN THÀNH TRUNG	19/03/2003	D17KTDN1	Kế toán	3.81	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
640	22810810119	PHẠM TUYẾT NHUNG	28/08/2004	D17KTDN2	Kế toán	3.75	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
641	22810810175	NGÔ THỊ OANH	17/02/2004	D17KT&KS	Kế toán	3.74	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	8,053,000	9,663,600
642	22810810182	THỊNH THỊ OANH	25/02/2004	D17KTDN3	Kế toán	3.72	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
643	22810810041	NGUYỄN THỊ HUYỀN THƯ	23/06/2004	D17KTDN1	Kế toán	3.72	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,622,000	8,384,200
644	22810810026	PHẠM MINH KHANH	22/03/2004	D17KTDN1	Kế toán	3.69	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
645	22810810146	NGUYỄN THỊ KIM THOA	01/12/2004	D17KTDN3	Kế toán	3.69	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
646	22810810190	NGUYỄN KHÁNH DƯƠNG	10/06/2004	D17KTDN3	Kế toán	3.67	Xuất sắc	89	Tốt			Giỏi	7,622,000	8,384,200
647	22810810144	VŨ NGỌC ANH	07/05/2004	D17KTDN3	Kế toán	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,622,000	8,384,200
648	22810810124	HOÀNG TƯỜNG VY	24/01/2004	D17KTDN2	Kế toán	3.64	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,622,000	9,146,400
649	22810830013	NGUYỄN THỊ HẢO	12/12/2004	D17KT&KS	Kế toán	3.61	Xuất sắc	90	Xuất sắc	3.58		Xuất sắc	8,053,000	9,663,600
650	23810810118	NGUYỄN THỊ DUNG	10/05/2005	D18KTDN2	Kế toán	3.73	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
651	23810810065	NGUYỄN THANH HẢ	20/09/2005	D18KTDN1	Kế toán	3.59	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
652	23810810071	PHAN NGỌC HUYỀN	15/03/2005	D18KTDN1	Kế toán	3.55	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
653	23810830053	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	24/10/2004	D18KT&KS	Kế toán	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
654	23810810083	VŨ THANH AN	10/10/2005	D18KTDN2	Kế toán	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
655	23810810141	PHAN THU GIANG	09/02/2005	D18KTDN2	Kế toán	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
656	23810810091	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	03/09/2005	D18KTDN2	Kế toán	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
657	23810810023	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THUY	25/11/2005	D18KTDN1	Kế toán	3.32	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
658	23810810170	PHAN HỒNG NHUNG	02/04/2005	D18KTDN3	Kế toán	3.27	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
659	23810810104	NGUYỄN THỊ MINH ANH	01/12/2005	D18KTDN2	Kế toán	3.27	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
660	23810830069	NGUYỄN THU UYÊN	24/04/2005	D18KT&KS	Kế toán	3.27	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
661	23810830039	NGUYỄN THỊ MINH HẠNH	20/06/2005	D18KT&KS	Kế toán	3.23	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
662	23810810190	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	15/01/2005	D18KTDN3	Kế toán	3.18	Khá	80	Tốt			Khá	4,197,000	4,197,000
663	23810810130	NGUYỄN KHÁNH LY	02/11/2005	D18KTDN2	Kế toán	3.18	Khá	80	Tốt			Khá	4,197,000	4,197,000
664	23810810143	TUẦN THUY DUNG	05/11/2005	D18KTDN3	Kế toán	3.18	Khá	80	Tốt			Khá	4,197,000	4,197,000
665	23810810018	LƯU HỮU NGHĨA	21/10/2005	D18KTDN1	Kế toán	3.18	Khá	80	Tốt			Khá	4,197,000	4,197,000
666	20810850089	NGUYỄN HẢ THU	07/11/2002	D15KIEMTOAN2	Kiểm toán	4	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
667	20810850092	NGUYỄN GIA KHIÊM	01/08/2002	D15KIEMTOAN2	Kiểm toán	4	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
668	20810850036	LƯU QUỲNH DUYỀN	03/11/2002	D15KIEMTOAN1	Kiểm toán	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
669	20810850067	NGUYỄN THỊ HOÀI NGỌC	09/7/2002	D15KIEMTOAN2	Kiểm toán	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
670	20810850060	NGUYỄN THỊ HẢ LIÊN	29/03/2002	D15KIEMTOAN1	Kiểm toán	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
671	20810850054	ĐÀO THANH HIỀN	01/12/2002	D15KIEMTOAN1	Kiểm toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
672	20810850031	NGUYỄN THANH HUYỀN	20/12/2002	D15KIEMTOAN1	Kiểm toán	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VND)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VND)
673	20810850041	LÊ HUỖNH ĐỨC	19/06/2002	D15KIEMTOAN1	Kiểm toán	4	Xuất sắc	87	Tốt	3.46		Giỏi	6,034,000	6,637,400
674	21810850389	NGUYỄN MINH XUÂN	02/01/2003	D16KIEMTOAN	Kiểm toán	3.78	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
675	21810850202	PHẠM THỊ NGỌC ANH	15/10/2003	D16KIEMTOAN	Kiểm toán	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
676	21810850372	ĐẶNG HUY HOÀNG	28/06/2003	D16KIEMTOAN	Kiểm toán	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
677	21810850409	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	11/10/2003	D16KIEMTOAN	Kiểm toán	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
678	22810850066	NGUYỄN ĐÌNH NAM	12/08/2004	D17KIEMTOAN2	Kiểm toán	4	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	8,348,000	10,017,600
679	22810850064	ĐƯƠNG MỸ DUNG	20/10/2004	D17KIEMTOAN2	Kiểm toán	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc			Xuất sắc	8,348,000	10,017,600
680	22810850062	ĐÀO KHÁC ĐẠT	19/09/2004	D17KIEMTOAN2	Kiểm toán	3.85	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	8,348,000	10,017,600
681	22810850070	NGUYỄN CẨM TÚ	17/06/2003	D17KIEMTOAN2	Kiểm toán	3.85	Xuất sắc	93	Xuất sắc			Xuất sắc	8,348,000	10,017,600
682	22810850014	NGUYỄN HIỀN LƯƠNG	01/01/2003	D17KIEMTOAN1	Kiểm toán	3.75	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	8,348,000	10,017,600
683	23810850040	HỒNG MINH QUÂN	29/11/2005	D18KIEMTOAN	Kiểm toán	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
684	23810850033	NGUYỄN THỊ ÁNH NGỌC	22/09/2005	D18KIEMTOAN	Kiểm toán	3.41	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
685	23810850045	CAO MINH TRANG	05/08/2005	D18KIEMTOAN	Kiểm toán	3.36	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
686	23810850065	LÊ THỊ HƯƠNG QUỲNH	12/11/2005	D18KIEMTOAN	Kiểm toán	3.27	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
687	23810850001	CHU THỊ THUỶ HẰNG	29/06/2005	D18KIEMTOAN	Kiểm toán	3.18	Khá	80	Tốt			Khá	4,197,000	4,197,000
688	20819110070	NGUYỄN ĐĂNG HUỖNH	26/06/2002	D15NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.79	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	10,343,000	11,377,300
689	20819110084	HOÀNG TRUNG HIẾU	17/09/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.78	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
690	20819110015	TRẦN XUÂN QUANG	19/9/2002	D15NHIETCN	Kỹ thuật nhiệt	3.62	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	10,343,000	11,377,300
691	20819110085	LƯU THẾ QUÂN	06/03/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
692	20819120032	NGUYỄN VĂN BÌNH	20/06/2001	D15NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.57	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	10,343,000	11,377,300
693	20819110072	CHU BẮC HUY	15/06/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.55	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
694	20819110139	VŨ VĂN TRUNG	19/02/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
695	20819110100	LÊ VĂN ĐỨC	16/07/2002	D15DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
696	20819120051	TRẦN DUY KHÁNH	14/08/2002	D15DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.45	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
697	20819120007	NGUYỄN QUANG MINH	09/7/2002	D15DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.4	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
698	20819120022	TRẦN QUỐC HUY	29/11/2002	D15NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.38	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	10,343,000	11,377,300
699	20819110082	LÊ NGỌC HOÀNH	08/01/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.37	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
700	20819110127	HOÀNG TRUNG KIÊN	28/04/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.35	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
701	20819110113	TẠ QUỐC DUY	04/08/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.33	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
702	20819110073	NGÔ ĐỨC TRUNG	13/03/2002	D15DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.33	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,500,000	10,450,000
703	21819110164	NGUYỄN VĂN HOÀNG	24/05/2003	D16NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.44	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,368,000	9,204,800
704	21819120149	BÙI MẠNH HÙNG	19/05/2003	D16DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.39	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,368,000	9,204,800
705	21819110141	ĐÀO THỊ MÙI	12/01/2003	D16NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.33	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,368,000	9,204,800
706	21819110037	LÊ HUY MÙI	03/04/2003	D16DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,368,000	9,204,800
707	21819110021	LÂM THÁNH CÔNG	17/11/2003	D16DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.16	Khá	80	Tốt			Khá	8,368,000	8,368,000
708	21819110133	PHAN BẮC ĐẠT	10/04/2003	D16NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.08	Khá	80	Tốt			Khá	8,368,000	8,368,000
709	21819120144	VŨ VĂN HOÀNG	26/05/2003	D16DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.06	Khá	80	Tốt			Khá	8,368,000	8,368,000
710	21819110012	CAO XUÂN TIẾN	21/08/2003	D16DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.03	Khá	80	Tốt			Khá	8,368,000	8,368,000
711	21819120139	ĐÀO BẮC HƯỞNG	26/02/2003	D16DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.03	Khá	75	Khá			Khá	8,368,000	8,368,000
712	22819130058	ĐẶNG HOÀNG LONG	22/09/2004	D17NHIETCN	Kỹ thuật nhiệt	3	Khá	80	Tốt			Khá	8,657,000	8,657,000
713	22819110074	NGUYỄN DUY HUỖNH	01/04/2004	D17NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	2.79	Khá	80	Tốt			Khá	8,657,000	8,657,000
714	22819120011	NGUYỄN MINH HIẾU	12/04/2004	D17DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	2.74	Khá	80	Tốt			Khá	8,657,000	8,657,000
715	23819110030	HOÀNG MINH DOÃN	20/06/2005	D18NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.74	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	6,897,000	7,586,700
716	23819110008	TRẦN XUÂN BẮC	10/01/2005	D18NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	3.32	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,897,000	7,586,700
717	23819130120	PHẠM GIA BÌNH	23/11/2005	D18DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	3.29	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,897,000	7,586,700
718	23819120091	TRẦN ĐỨC TOÀN	22/11/2005	D18DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	3.13	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
719	23819120131	PHẠM BẮC VƯỢNG	08/12/2005	D18DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	2.95	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
720	23819120048	TRẦN VĂN BẮC	28/10/2005	D18DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	2.92	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
721	23819120023	NGUYỄN HỮU THẠCH	28/09/2005	D18DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	2.89	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
722	23819120117	ĐÀM THẾ VĨNH	26/02/2005	D18DIENLANH2	Kỹ thuật nhiệt	2.87	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
723	23819120003	TRẦN QUANG HẢI	18/09/2005	D18DIENLANH1	Kỹ thuật nhiệt	2.74	Khá	80	Tốt			Khá	6,897,000	6,897,000
724	23819110043	LÊ XUÂN ĐẠI	12/08/2005	D18NHIETDIEN	Kỹ thuật nhiệt	2.74	Khá	80	Tốt	2.5		Khá	6,897,000	6,897,000

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
725	20810230036	TRẦN LÊ HƯƠNG	GIANG	16/08/2002	D15LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,707,000	9,577,700
726	20810230139	NGUYỄN ANH	QUẦN	14/06/2002	D15LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.55	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	16,615,000	18,276,500
727	20810230065	PHÙNG THỊ THÙY	DUNG	07/07/2002	D15LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.38	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,707,000	9,577,700
728	20810230050	TRẦN HOÀI	ANH	09/02/2002	D15LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.35	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,707,000	9,577,700
729	20810230093	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	25/01/2002	D15LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	16,615,000	18,276,500
730	20810230138	TRẦN XUÂN	HOÀNG	02/12/2002	D15LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,707,000	9,577,700
731	20810230076	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	16/07/2002	D15LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.24	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,707,000	9,577,700
732	20810230097	HOÀNG MINH	NGUYỆT	23/08/2002	D15LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.24	Giỏi	80	Tốt		Giỏi	8,707,000	9,577,700
733	21810230464	VÕ THU	HIỀN	05/07/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	4	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,474,000	9,321,400
734	21810230019	MAI VĂN	ĐIỀN	26/03/2000	D16LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.94	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,954,000	9,849,400
735	21810230449	TRƯƠNG THỊ	HUYỀN	19/11/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.93	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	7,385,000	8,123,500
736	21810230491	NGUYỄN KHÁNH	LINH	21/10/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.78	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	8,954,000	10,744,800
737	21810230455	TRẦN KHÁNH	LINH	15/07/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.78	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	8,954,000	9,849,400
738	21810230060	HOÀNG THỊ YẾN	GIANG	11/12/2003	D16LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.75	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,474,000	9,321,400
739	21810230432	NGUYỄN THUỶ	HIỀN	05/10/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.75	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,474,000	9,321,400
740	21810230061	ĐÀO THỊ HỒNG	NHUNG	26/08/2003	D16LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.72	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,954,000	9,849,400
741	21810230402	DƯƠNG THỊ LAN	ANH	27/06/2003	D16LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.69	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	8,954,000	10,744,800
742	21810230494	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRANG	18/01/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.69	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,474,000	9,321,400
743	21810230450	ĐÀO THỊ	LIÊN	14/09/2003	D16LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.67	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	8,954,000	9,849,400
744	21810230397	NGUYỄN THỊ MINH	HÒA	28/12/2003	D16LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.64	Xuất sắc	92	Xuất sắc		Xuất sắc	8,954,000	10,744,800
745	21810230059	VƯƠNG THỊ HÀ	ANH	04/11/2003	D16LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.61	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	8,954,000	9,849,400
746	21810230413	NGUYỄN THỊ	THOA	05/08/2003	D16LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.61	Xuất sắc	81	Tốt	3.34	Giỏi	8,474,000	9,321,400
747	22810230087	LÊ THÚY	NGA	20/09/2004	D17LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.89	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
748	22810230012	BUI THU	HIỀN	16/10/2004	D17LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.83	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
749	22810230016	LÊ THỊ	HƯƠNG	22/02/2004	D17LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.72	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
750	22810230122	NGUYỄN ĐÌNH	ĐỨC	22/09/2003	D17LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.72	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
751	22810230049	BUI LÊ THANH	HUYỀN	24/11/2004	D17LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.67	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
752	22810230112	NGHIÊM THỊ	HẰNG	03/09/2004	D17LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.67	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
753	22810230135	NGUYỄN PHƯƠNG	LOAN	17/01/2004	D17LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.58	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	8,130,000	8,943,000
754	22810230181	NGUYỄN THỊ	VĂN	10/07/2004	D17LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.58	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	8,130,000	8,943,000
755	23810230013	NGUYỄN DIỆU	LINH	31/05/2005	D18LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.81	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
756	23810230054	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	01/04/2005	D18LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.72	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
757	23810230090	ĐÌNH THỊ THANH	TÂM	03/11/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.69	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
758	23810230175	BUI THỊ VĂN	ANH	05/11/2005	D18LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.63	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	5,808,000	6,969,600
759	23810230045	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	LINH	30/12/2005	D18LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.63	Xuất sắc	90	Xuất sắc		Xuất sắc	5,808,000	6,969,600
760	23810230124	NGUYỄN THẢO	LINH	02/05/2005	D18LOGISTICS3	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.63	Xuất sắc	87	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
761	23810230003	NGUYỄN THỊ	LOAN	01/01/2005	D18LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.63	Xuất sắc	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
762	23810230226	HOÀNG TRỌNG	HUY	25/08/2005	D18LOGISTICS4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.59	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
763	23810230242	QUÁCH THỊ THÚY	LINH	01/10/2005	D18LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.59	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
764	23810230113	PHẠM THỊ	TÂM	21/01/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.59	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
765	23810230073	NGÔ NGỌC	BÍCH	28/02/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.56	Giỏi	92	Xuất sắc		Giỏi	5,808,000	6,388,800
766	23810230103	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.56	Giỏi	87	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
767	23810230094	NGUYỄN BÁ	PHÁT	05/12/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
768	23810230006	HỒ KHÁNH	HUYỀN	03/01/2005	D18LOGISTICS1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.56	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
769	23810230092	TRỊNH THỊ NGỌC	THIỆN	24/07/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	5,808,000	6,388,800
770	23810230066	NGUYỄN THỊ BÍCH	HỒNG	18/02/2005	D18LOGISTICS2	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.5	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	5,808,000	6,388,800
771	23810230204	TRẦN XUÂN	BÁCH	23/08/2005	D18LOGISTICS4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3.5	Giỏi	90	Xuất sắc		Giỏi	5,808,000	6,388,800
772	20810000458	NGUYỄN THỊ	HỒNG	27/7/2001	D15QLSX&TN	Quản lý công nghiệp	3.61	Xuất sắc	82	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
773	20810000500	NGUYỄN THỊ	LÀNH	12/08/2002	D15QLDT&KH	Quản lý công nghiệp	3.55	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
774	20810000392	NGUYỄN XUÂN KIỀU	OANH	6/10/2002	D15QLDT&KH	Quản lý công nghiệp	3.53	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
775	20810000510	MAI THỊ	PHƯƠNG	03/09/2002	D15QLSX&TN	Quản lý công nghiệp	3.42	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700
776	20810000516	VŨ NHƯ	QUANG	04/03/2002	D15QLSX&TN	Quản lý công nghiệp	3.29	Giỏi	81	Tốt		Giỏi	9,937,000	10,930,700

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VND)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VND)
777	21810230483	ĐINH THỊ THANH	HUYỀN	20/05/2003	D16QLSX&TN	3.81	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,230,000	10,153,000
778	21810220003	NGUYỄN THỊ	THOM	17/04/2003	D16QLSX&TN	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,750,000	9,625,000
779	21810230505	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	05/08/2003	D16QLSX&TN	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,230,000	10,153,000
780	21810230423	NGÔ THỊ NGỌC	HÀ	26/01/2003	D16QLSX&TN	3.22	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,750,000	9,625,000
781	22810230163	NGUYỄN ANH	TÀI	23/10/2004	D17QLCN2	3.67	Xuất sắc	80	Tốt			Giỏi	7,994,000	8,793,400
782	22810230063	NGUYỄN THỊ THANH	NHÂN	15/10/2004	D17QLCN2	3.36	Giỏi	80	Tốt			Giỏi	7,994,000	8,793,400
783	22810230051	CHU QUANG	HUY	13/09/2004	D17QLCN2	3.33	Giỏi	80	Tốt			Giỏi	7,994,000	8,793,400
784	22810240110	HOÀNG VĂN	CHUNG	09/07/2004	D17QLCN1	3.22	Giỏi	80	Tốt			Giỏi	7,994,000	8,793,400
785	22810230018	LÊ THỊ ANH	THU	28/06/2004	D17QLCN1	3.11	Khá	85	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
786	22810250148	ĐÀO THỦY	NGA	11/09/2004	D17QLCN1	3.03	Khá	85	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
787	22810230026	PHAN NGỌC	MAI	27/08/2004	D17QLCN2	3	Khá	79	Khá			Khá	7,994,000	7,994,000
788	22810230060	HOÀNG THU	QUỲNH	03/10/2004	D17QLCN1	2.89	Khá	79	Khá			Khá	7,994,000	7,994,000
789	23810220019	NGUYỄN PHƯỢNG	LINH	14/01/2005	D18QLCN1	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,808,000	6,388,800
790	23810220032	NGUYỄN THỊ	DUNG	30/10/2005	D18QLCN1	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,808,000	6,388,800
791	23810220059	LÊ TẤN	HÙNG	02/06/2005	D18QLCN1	3.22	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,808,000	6,388,800
792	23810220091	ĐOÀN THỊ	LAN	23/08/2005	D18QLCN2	3.16	Khá	86	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
793	23810220067	NGUYỄN THỊ MAI	LOAN	14/05/2005	D18QLCN2	3.16	Khá	75	Khá			Khá	5,808,000	5,808,000
794	23810220087	DƯƠNG THỊ	HOÀI	26/07/2005	D18QLCN2	3	Khá	89	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
795	23810220112	TRẦN THỊ NGỌC	LAN	06/08/2005	D18QLCN2	2.94	Khá	75	Khá			Khá	5,808,000	5,808,000
796	23810220126	TRẦN VĂN	ĐỨC	28/02/2005	D18QLCN3	2.91	Khá	86	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
797	23810220094	TRẦN THẾ	HÀI	22/08/2005	D18QLCN2	2.81	Khá	75	Khá			Khá	5,808,000	5,808,000
798	23810220136	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	30/05/2005	D18QLCN3	2.69	Khá	94	Xuất sắc			Khá	5,808,000	5,808,000
799	23810220084	NGUYỄN QUỲNH	TRANG	16/03/2005	D18QLCN2	2.69	Khá	89	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
800	23810220088	LÊ THỦY	LINH	18/10/2005	D18QLCN2	2.69	Khá	75	Khá			Khá	5,808,000	5,808,000
801	23810220033	PHẠM HUYỀN NHƯ	TRANG	15/10/2005	D18QLCN1	2.63	Khá	80	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
802	20810000454	PHẠM THỊ KHÁNH	HIỀN	30/11/2002	D15KTNL	3.63	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	9,937,000	11,924,400
803	20810000437	LÀ MẠNH	ĐỪNG	05/05/2002	D15KTNL	3.63	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,937,000	10,930,700
804	21810260033	NGUYỄN VŨ HÀI	ANH	13/08/2003	D16TTDIEN	3.79	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,753,000	10,728,300
805	21810270043	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	03/02/2003	D16KTNL	3.76	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	9,753,000	11,703,600
806	21810270044	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	22/06/2003	D16KTNL	3.63	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	9,753,000	10,728,300
807	21810210003	LÊ VĂN	TUẤN	22/10/2003	D16KTNL	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,753,000	10,728,300
808	21810210002	DƯƠNG PHƯƠNG	LINH	24/09/2003	D16KTNL	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	9,753,000	10,728,300
809	22810270030	TRẦN MINH	ĐỨC	12/09/2004	D17QLNL1	2.89	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
810	22810270135	NGUYỄN QUÝ	VINH	12/06/2003	D17QLNL2	2.84	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
811	22810260130	NGUYỄN BÀ	DƯƠNG	05/12/2004	D17QLNL1	2.75	Khá	75	Khá			Khá	7,994,000	7,994,000
812	22810260200	KHUẤT VŨ ANH	THU	21/10/2004	D17QLNL2	2.72	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
813	22810260189	PHAN NHẬT	HIỆU	30/04/2004	D17QLNL2	2.61	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
814	22810260115	TRẦN TRỌNG	NGỌC	11/06/2004	D17QLNL2	2.58	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
815	22810260145	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	19/08/2004	D17QLNL2	2.5	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
816	22810000122	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	06/12/2004	D17QLNL1	2.5	Khá	80	Tốt			Khá	7,994,000	7,994,000
817	23810210002	PHẠM QUANG	ĐẠO	18/06/2004	D18QLNL	3.69	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	5,808,000	6,969,600
818	23810210036	NGUYỄN BẢO	TRANG	08/08/2005	D18QLNL	3.59	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	5,808,000	6,388,800
819	23810210007	TRẦN ĐÌNH	ĐẠT	01/07/2005	D18QLNL	2.84	Khá	89	Tốt			Khá	5,808,000	5,808,000
820	23810210018	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	15/08/2005	D18QLNL	2.59	Khá	75	Khá			Khá	5,808,000	5,808,000
821	20810000353	PHÙNG MINH	NHẬT	28/11/2002	D15QTDVDL&LH1	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
822	20810000490	ĐỖ THỊ THANH	LOAN	24/10/2002	D15QTDVDL&LH2	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
823	20810000029	KIỀU THỊ HỒNG	NHUNG	25/11/2002	D15QTDVDL&LH1	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
824	20810000350	NGUYỄN PHƯỢNG	ANH	23/09/2002	D15QTDVDL&LH2	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
825	20810000133	KHƯƠNG THỊ	LÀNH	17/06/2002	D15QTDVDL&LH1	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
826	20810000015	HOÀNG TRUNG	KIÊN	14/10/2001	D15QTDVDL&LH2	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
827	20810000384	NGUYỄN THU	ĐIỆP	30/03/2002	D15QTDVDL&LH1	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
828	20810000363	NGUYỄN HỒNG	VĂN	26/04/2002	D15QTDVDL&LH2	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VND)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VND)
829	20810000398	NGUYỄN THỊ THANH VY	07/08/2002	D15QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
830	20810000360	NGUYỄN THỊ NHẬT MAI	24/01/2002	D15QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4	Xuất sắc	87	Tốt	3.49		Giỏi	6,034,000	6,637,400
831	21810720011	LƯU VĂN PHÚC	12/10/2003	D16QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.81	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,554,000	8,309,400
832	21810000431	LÊ THU PHƯƠNG	21/09/2003	D16QTDVDL&LH2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,554,000	8,309,400
833	21810000389	NGUYỄN THỊ LỆ	29/05/2003	D16QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.5	Giỏi	82	Tốt			Giỏi	7,554,000	8,309,400
834	21810000399	TRẦN MAI THI	13/08/2003	D16QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.47	Giỏi	82	Tốt			Giỏi	7,554,000	8,309,400
835	21810000435	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN	05/12/2003	D16QTDVDL&LH2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,554,000	8,309,400
836	22810000064	ĐẶNG KIỀU TRÂM	29/04/2004	D17QTDVDL&LH2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.59	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,420,000	7,062,000
837	22810000068	PHẠM HƯƠNG GIANG	04/11/2004	D17QTDVDL&LH2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,420,000	7,062,000
838	22810000014	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	04/06/2002	D17QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.5	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	6,420,000	7,062,000
839	22810000083	PHƯƠNG THẢO	13/05/2004	D17QTDVDL&LH2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.41	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,420,000	7,062,000
840	22810000009	ĐOÀN THỊ VĂN ANH	11/07/2004	D17QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.28	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,420,000	7,062,000
841	22810000010	PHÙNG HẢI ĐĂNG	09/03/2004	D17QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.28	Giỏi	93	Xuất sắc			Giỏi	6,420,000	7,062,000
842	238100000001	LÊ THỊ NGỌC HÂN	13/08/2003	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.73	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
843	23810000024	CAO MINH HIỀN	15/09/2005	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.73	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
844	23810000051	ĐẶNG THỊ HÂN	14/09/2005	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.7	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
845	23810000004	NGUYỄN THỊ ĐÀO TRANG	18/09/2005	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.7	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
846	23810000018	BÙI THỊ DIỆU	26/03/2005	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
847	23810000014	VĂN THỊ HẰNG	11/05/2005	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.6	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
848	23810000045	NGUYỄN THỊ ĐOAN TRANG	07/10/2005	D18QTDVDL&LH1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,649,000	6,213,900
849	20810710066	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	07/8/2001	D15QTDN1	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
850	20810710166	NGUYỄN HỒ BẢO NGỌC	20/06/2002	D15QTDN2	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
851	20810710171	NGUYỄN THU HUYỀN	30/11/2002	D15QTDN5	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
852	20810710165	LÊ ĐỨC MẠNH	03/11/2002	D15QTDN2	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
853	20810720033	ĐÌNH TIỀN ANH	04/10/2002	D15QTDLKS	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
854	20810710126	VŨ THỊ LINH NHÂM	05/06/2002	D15QTDN2	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
855	20810720280	PHẠM THANH THẢO	10/05/2002	D15QTDN4	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
856	20810000307	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	17/06/2002	D15QTDN4	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
857	20810710223	TRẦN THỊ QUỲNH ANH	08/05/2002	D15QTDN3	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
858	20810710225	NGUYỄN MAI ANH	07/11/2002	D15QTDN3	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
859	20810710218	NGUYỄN VĂN OANH	29/10/2002	D15QTDN3	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
860	20810710288	TRẦN QUỲNH ANH	28/09/2002	D15QTDN5	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
861	20810710235	DƯƠNG TRÁ MY	01/11/2002	D15QTDN5	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
862	20810710153	NGUYỄN THỊ HẢI LINH	08/10/2002	D15QTDN2	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
863	20810710183	ĐỖ NGỌC TUẤN	01/12/2002	D15QTDN3	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
864	20810720017	TRẦN HƯƠNG GIANG	16/01/2002	D15QTDN4	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
865	20810720028	NGUYỄN NAM KHÁNH	01/7/2001	D15QTDN5	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
866	20810710201	TRƯƠNG NGỌC DUY	20/10/2002	D15QTDLKS	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
867	20810710199	NGUYỄN THỊ QUỲNH GIANG	30/08/2002	D15QTDN3	Quản trị kinh doanh	4	Xuất sắc	87	Tốt	2.96		Giỏi	6,034,000	6,637,400
868	21810710179	NGUYỄN KHẮC HOÀNG AN	21/11/2003	D16QTDN5	Quản trị kinh doanh	3.78	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
869	21810710170	NGUYỄN THỊ DIỆP	30/01/2002	D16QTDN5	Quản trị kinh doanh	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
870	21810710252	PHẠM THUY TRANG	14/10/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
871	21810710137	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	07/11/2003	D16QTDLKS	Quản trị kinh doanh	3.63	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
872	21810710146	DƯƠNG THỊ HỒNG AN	29/12/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.61	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
873	21810710040	TRẦN THẢO MY	10/05/2003	D16QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.58	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	7,758,000	8,533,800
874	21810710278	BÙI KHÁ VÂN	08/06/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
875	21810710260	LÊ THỊ THANH THẢO	11/05/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.56	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
876	21810710414	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG	03/08/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.56	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
877	21810710051	ĐỖ ĐỨC MẠNH	30/09/2003	D16QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
878	21810710405	NGUYỄN THỊ TRANG	29/09/2003	D16QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.44	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
879	21810710176	TRẦN THỊ NỤ	09/08/2002	D16QTDN5	Quản trị kinh doanh	3.44	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
880	21810710407	VĂN THỊ THUY HỒNG	08/05/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.36	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
881	21810720306	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG OANH	05/09/2003	D16QTDLKS	Quản trị kinh doanh	3.34	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,189,000	9,007,900
882	21810710211	NGÔ THỊ THẢO VÂN	16/11/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.31	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
883	21810710279	NGUYỄN HỮU HIẾU	28/05/2003	D16QTDN5	Quản trị kinh doanh	3.31	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
884	21810710010	PHẠM NGỌC HẢI	18/06/2003	D16QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.31	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
885	21810710193	TRẦN THỊ THẢO VÂN	05/10/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.3	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	7,758,000	8,533,800
886	21810710264	KIỀU VÂN TUẤN	03/01/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.28	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
887	21810710012	LONG DIỆP THÀNH NAM	12/12/2003	D16QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.28	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
888	21810710355	CHU VĂN VƯƠNG	14/03/2003	D16QTDN6	Quản trị kinh doanh	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
889	21810710207	NGUYỄN THỊ ANH	14/11/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
890	21810710199	BÙI THỦY DƯƠNG	18/07/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
891	21810710280	ĐÀO HOÀNG LAN	13/04/2003	D16QTDN5	Quản trị kinh doanh	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
892	21810710370	LÊ THỊ DUYỀN	19/06/2003	D16QTDN6	Quản trị kinh doanh	3.25	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
893	21810710203	TRẦN THỊ KIM CHI	24/12/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.22	Giỏi	80	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
894	21810710131	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	15/11/2003	D16QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.22	Giỏi	80	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
895	21810710030	DƯƠNG CƯỜNG QUYẾT	23/10/2003	D16QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.19	Khá	94	Xuất sắc			Khá	7,758,000	7,758,000
896	21810710148	PHAN THỊ PHƯƠNG THẢO	29/09/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.19	Khá	80	Tốt			Khá	7,758,000	7,758,000
897	21810710163	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	27/03/2003	D16QTDN4	Quản trị kinh doanh	3.17	Khá	80	Tốt			Khá	7,758,000	7,758,000
898	21810710088	LÊ PHƯƠNG THẢO	16/03/2003	D16QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.17	Khá	80	Tốt	3.13		Khá	7,758,000	7,758,000
899	22810710157	PHẠM THỊ NGỌC HẠ	19/10/2004	D17QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.59	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
900	22810710042	NGUYỄN DIỄM QUỲNH	19/08/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
901	22810710054	LÊ BÍCH NGỌC	30/08/2003	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.47	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,987,000	7,685,700
902	22810710065	BÙI ĐÌNH KIÊN	24/09/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
903	22810710043	NGUYỄN TRỌNG KHANG	12/10/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.44	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
904	22810710019	LÊ ĐỨC LÂM	21/08/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.44	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
905	22810710035	ĐÀO XUÂN TIẾN	06/02/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.38	Giỏi	82	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
906	22810710001	NGUYỄN THẢO NGÂN	10/08/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.38	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
907	22810710025	VŨ THỊ LAN ANH	25/04/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.32	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
908	22810710038	ĐOÀN ĐÌNH ĐÔNG	14/05/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.29	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	6,987,000	7,685,700
909	22810710127	MAI KHÁNH HÒA	18/10/2004	D17QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.26	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,987,000	7,685,700
910	22810710047	NGUYỄN THỊ BẠCH DƯƠNG	14/07/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.26	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	6,987,000	7,685,700
911	22810710077	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÁT	18/05/2004	D17QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.24	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,987,000	7,685,700
912	22810710011	NGUYỄN MỸ DUYỀN	10/10/2004	D17QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.21	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	6,987,000	7,685,700
913	23810710024	LÊ HỒNG NHUNG	25/02/2004	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.93	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
914	23810710003	ĐỖ THỊ THANH HOA	21/03/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.86	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
915	23810710068	NGUYỄN THỊ YÊN NHI	01/02/2005	D18QTDN2	Quản trị kinh doanh	3.86	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
916	23810710182	BÙI THỊ THẨM	15/05/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.75	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
917	23810710004	NGUYỄN THỊ HỒNG	17/12/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.71	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
918	23810710033	ĐẶNG THỊ KIỀU OANH	25/03/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.68	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
919	23810710002	NGUYỄN QUỲNH TRANG	08/01/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
920	23810710206	NGUYỄN THỊ LINH	18/12/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
921	23810710231	PHÙNG THỊ LAN	24/03/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
922	23810710184	ĐÀO PHƯƠNG THẢO	30/01/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
923	23810710176	VŨ THU TRANG	07/12/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
924	23810710009	MẠC THỊ CẨM TÚ	30/10/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.61	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
925	23810710141	TRẦN THỊ THỦY TRANG	27/04/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.61	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
926	23810710041	ĐINH THỊ CHI MAI	09/05/2005	D18QTDN1	Quản trị kinh doanh	3.57	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
927	23810710135	LƯU THỊ MAI LAN	18/05/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.57	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
928	23810710229	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	25/08/2005	D18QTDN3	Quản trị kinh doanh	3.57	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
929	20810820059	NGUYỄN QUỲNH TRANG	16/02/2002	D15TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	5,643,220	6,771,864
930	20810820003	TRƯƠNG NGUYỆT LINH	12/9/2002	D15TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	5,643,220	6,771,864
931	20810820126	LÊ KHÁNH NGỌC	19/08/2002	D15TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
932	20810820017	NGUYỄN MINH QUÂN	23/6/2002	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VND)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VND)
933	20810820129	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/06/2002	D15TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	95	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
934	20810820125	NGUYỄN THỊ HUỲNH TRANG	07/01/2002	D15TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
935	20810820120	VŨ THỊ THANH TUYỀN	27/11/2002	D15TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
936	20810820056	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH	19/6/2002	D15TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
937	20810840033	LÊ NGỌC MAI	01/10/2001	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
938	20810840006	PHẠM ANH HẢO	27/01/2002	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
939	20810820081	NGUYỄN QUANG GIA TUÔNG	28/10/2002	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
940	20810840012	LÊ MINH HOÀNG	23/02/2000	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc				6,034,000	7,240,800
941	20810820083	NGUYỄN VĂN DOANH	11/07/2002	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
942	20810820053	NGUYỄN ĐÌNH DUY MINH	20/09/2002	D15TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
943	20810820096	ĐOÀN HÀ NGỌC	02/03/2002	D15NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	4	Xuất sắc	87	Tốt	3.48		Giỏi	6,034,000	6,637,400
944	21810820120	NGUYỄN HUY VIỆT	20/03/2003	D16NGANHANG1	Tài chính – Ngân hàng	3.76	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
945	21810820324	TẠ THỊ NGỌC HUỲNH	17/07/2003	D16NGANHANG1	Tài chính – Ngân hàng	3.75	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
946	21810840283	ĐOÀN THỊ HOA	14/03/2003	D16NGANHANG2	Tài chính – Ngân hàng	3.7	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
947	21810820304	TRẦN THỊ THU HIỀN	18/05/2003	D16TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.67	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	7,758,000	9,309,600
948	21810820172	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	07/12/2003	D16TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.64	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	7,758,000	9,309,600
949	21810820168	NGUYỄN ĐĂNG HUY	13/11/2003	D16NGANHANG1	Tài chính – Ngân hàng	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
950	21810820282	TRẦN THỦY NGÀ	14/10/2003	D16TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.61	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
951	21810840276	DƯƠNG HẢI TRIỆU	01/08/2003	D16NGANHANG2	Tài chính – Ngân hàng	3.58	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
952	21810820255	LỖ THỊ THUY DUNG	14/02/2003	D16TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
953	21810820181	MAI THỊ PHƯƠNG	12/04/2003	D16NGANHANG1	Tài chính – Ngân hàng	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
954	21810840274	NGUYỄN THỊ THU TRANG	28/03/2003	D16NGANHANG2	Tài chính – Ngân hàng	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
955	21810820176	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	27/11/2003	D16NGANHANG1	Tài chính – Ngân hàng	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
956	21810820281	LÊ THỊ LÀNH	17/06/2003	D16TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
957	21810820333	BÙI THỊ NHUNG	01/12/2002	D16TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
958	21810840285	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	27/11/2003	D16NGANHANG2	Tài chính – Ngân hàng	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
959	21810820210	TRẦN NHƯ QUỲNH	17/07/2003	D16TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,758,000	8,533,800
960	22810840107	ĐOÀN THỊ HẢI YẾN	04/07/2004	D17NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	3.87	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	8,053,000	9,663,600
961	22810820091	NGUYỄN THỊ YẾN	04/06/2004	D17TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.68	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,053,000	8,858,300
962	22810820008	PHẠM THỊ HƯƠNG BƯỚI	24/03/2004	D17TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.58	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,053,000	8,858,300
963	22810820002	NGUYỄN THỊ HÀ NHƯ	18/07/2004	D17TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,053,000	8,858,300
964	22810840054	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	26/01/2004	D17NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	3.47	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	8,053,000	8,858,300
965	22810820049	ĐẶNG THỊ NỤ	05/05/2004	D17TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	8,053,000	8,858,300
966	22810840059	PHẠM NGỌC UYÊN	05/01/2004	D17NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	3.45	Giỏi	95	Xuất sắc			Giỏi	8,053,000	8,858,300
967	22810840006	CHU THỊ TUYẾT MAI	17/09/2004	D17NGANHANG	Tài chính – Ngân hàng	3.39	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	8,053,000	8,858,300
968	23810820040	NGUYỄN PHAN THẢO QUYÊN	12/02/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.82	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	4,197,000	5,036,400
969	23810820039	ĐỖ THỊ CẨM MY	18/10/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.73	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
970	23810820051	NGUYỄN THUY TRANG	21/06/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.73	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
971	23810820033	LÊ PHƯƠNG HOA	09/05/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
972	23810820052	HOÀNG HUỲNH TRÂM	20/07/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
973	23810820050	TRẦN THỊ THUY	04/10/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.64	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
974	23810820078	BÙI ANH TÚ	02/08/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.59	Giỏi	87	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
975	23810820074	NGÔ TIỂU NGỌC	23/02/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.55	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
976	23810820035	NGUYỄN HẰNG MINH	08/04/2005	D18TCDN1	Tài chính – Ngân hàng	3.5	Giỏi	90	Xuất sắc			Giỏi	4,197,000	4,616,700
977	23810820099	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	18/03/2005	D18TCDN2	Tài chính – Ngân hàng	3.5	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	4,197,000	4,616,700
978	20810000115	VŨ HỒNG THẨM	19/08/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
979	20810000187	NGUYỄN VĂN HUY	24/10/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
980	20810000004	NGUYỄN VĂN HUÂN	27/3/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
981	20810000135	TẠ THỊ HƯƠNG	15/02/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	93	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
982	20810000175	BÙI THỊ MAI ANH	25/10/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
983	20810000020	PHAN HOÀNG HIỆP	04/5/2002	D15KDTMTT1	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	92	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800
984	20810000146	NGUYỄN THỊ THẨM	12/09/2002	D15KDTMTT1	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	6,034,000	7,240,800

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ngành	Điểm TBC trong kỳ xét HB (HS4)	Xếp loại học tập	Điểm rèn luyện	Xếp loại rèn luyện	Điểm TBC tích lũy đến kỳ xét (HS 4)	Điểm TBC Rèn luyện đến kỳ xét (HS 4)	Xếp loại HB	Học phí đã đóng (VNĐ)	Mức học bổng dự kiến được nhận (VNĐ)
985	2081000085	DƯƠNG THỊ DUYỀN	09/08/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	6,034,000	6,637,400
986	20810000344	NGÔ THANH HOÀI	13/09/2002	D15KDTMTT2	Thương mại điện tử	4	Xuất sắc	87	Tốt	3.3		Giỏi	6,034,000	6,637,400
987	21810860452	THÁI AN SANG	09/05/2003	D16KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	8,895,000	9,784,500
988	21810860380	TRẦN THỊ MINH	30/05/2003	D16KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.67	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
989	21810860387	TRẦN VIỆT TRÍ	27/02/2003	D16KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.53	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
990	21810860363	ĐỖ THANH HUYỀN	11/02/2003	D16KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.47	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
991	21810860455	NGUYỄN SỸ CƯỜNG	28/03/2003	D16KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.42	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
992	21810860438	VỊ THỊ KIM HẠNH	27/01/2003	D16KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.42	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
993	21810860404	NGUYỄN THU HẰNG	08/06/2003	D16KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.39	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
994	21810860389	TRẦN THỊ OANH	20/02/2003	D16KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.39	Giỏi	81	Tốt			Giỏi	7,806,000	8,586,600
995	22810860059	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	14/11/2004	D17KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.82	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,191,000	8,629,200
996	22810860041	VŨ THỊ HƯỜNG	08/07/2003	D17KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.82	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,191,000	7,910,100
997	22810860052	NGUYỄN NGỌC ANH	07/06/2004	D17KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.74	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	7,191,000	8,629,200
998	22810860054	NGUYỄN THỊ HUYỀN	27/02/2004	D17KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.71	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,191,000	7,910,100
999	22810860031	TRẦN THỊ THANH LAM	15/07/2004	D17KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.71	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	7,191,000	7,910,100
1000	22810860089	TRẦN VĂN HIỀN	26/02/2004	D17KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.68	Xuất sắc	98	Xuất sắc			Xuất sắc	7,191,000	8,629,200
1001	23810860001	DƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG	07/01/2005	D18KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.86	Xuất sắc	95	Xuất sắc			Xuất sắc	5,286,000	6,343,200
1002	23810860072	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	25/11/2005	D18KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.86	Xuất sắc	87	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
1003	23810860111	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	15/10/2005	D18KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.86	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
1004	23810860119	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	12/06/2005	D18KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.82	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	5,286,000	6,343,200
1005	23810860083	ĐINH THỊ PHƯƠNG THẢO	23/04/2005	D18KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.79	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
1006	23810860048	LÊ THU HOÀI	17/03/2005	D18KDTMTT1	Thương mại điện tử	3.75	Xuất sắc	90	Xuất sắc			Xuất sắc	5,286,000	6,343,200
1007	23810860088	BÙI NGỌC ANH	22/09/2005	D18KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.75	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
1008	23810860101	TRẦN THỊ ANH THƯ	09/10/2005	D18KDTMTT2	Thương mại điện tử	3.75	Xuất sắc	81	Tốt			Giỏi	5,286,000	5,814,600
TỔNG CỘNG														8,451,778,170

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Xuân Hòa

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

ĐƠN PHÚC TRA HỌC BỔNG
SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Họ và tên:

Ngày sinh:

Hiện là sinh viên lớp: Khóa học:

Khoa:

Mã số sinh viên:

Số điện thoại:

Nội dung xin phúc tra:

1. Kết quả đạt được so với điều kiện xét:

Điểm TB học lực học kỳ xét HB (Điểm hệ số 4)	Điểm kết quả rèn luyện	Điểm trung bình tích lũy (Điểm hệ số 4)	Tổng số tín chỉ đăng ký học kỳ xét học bổng	Tổng số tín chỉ đăng ký học mới học kỳ xét học bổng	Tổng số học phí đóng học kỳ xét học bổng (*)

Lưu ý: (*) Chỉ tính các học phần đăng ký mới.

2. Theo Bảng 1 sinh viên thuộc diện: ☐

- Thuộc đối tượng được xét nhưng không được xét: ☐

- Thuộc đối tượng được xét xuất sắc nhưng không được xét xuất sắc: ☐

- Thuộc đối tượng được xét giỏi nhưng không được xét giỏi: ☐

- Thuộc đối tượng được xét khá nhưng không được xét khá: ☐

- Mức học phí không khớp với mức học phí đã đóng: ☐

- Khác (sinh viên nêu rõ nội dung):

PHỤ LỤC III: MẪU ĐƠN PHÚC TRA HỌC BỔNG

.....

.....

.....

.....

.....

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

))